

Phụ-nữ

Tân-văn

Số này có bài:

- ✱ Phụ-Nữ Tân-Văn ở Bắc-Trí
- ✱ Nghề vũ-nữ của Mưu Nguyễn-Dục-Nhân
- ✱ Phụ-nữ chức-nghề
- ✱ Bàn trai, bạn gái của Phan-v. Nam
- ✱ Ý kiến của một bạn thanh niên du học đối với thuyết tam-tung của Hugh-sin-Phe-ang
- ✱ Mâu xâm hay là sự chết già của Trần-vân-Dương
- ✱ Chùm hoa hạm tiễn của Minh-Nguyệt Đoàn-thien-Tien-thuyet
- ✱ Ông Hương di Saigona của Mưu Văn-Dai
- ✱ Văn-uyên - Tiên-thuyet v. v.

== 0\$10 ==
NĂM THỨ SÁU
ngày 6 Sept^{re} 1934
== 257 ==

VIỆT-NAM NGÂN-HÀNG

CÔNG-TY HỮU-HẠN VỐN 250.000 ĐỒNG BẠC

Hội-quán: 54-56, đường Pellerin, SAIGON

R. C. SAIGON N° 61
Dây thép nơi: 748

Tên dây thép:
CREDITANA - SAIGON

Công-ty nhận tiền **TIẾT-KIỆM** của ba tháng, gởi sanh lời 3 ly rưỡi mỗi năm, sáu tháng tính một lần và nhập vốn ma sanh lời nữa. Tiền này muốn rút ra chừng nào cũng được.

— Công-ty cho vay thế chừa về Quốc-trai Đông-Pháp, Credit National và những về phiếu nào ma Chánh-phủ Pháp hay là Đông-Pháp phát hành hay là chịu bảo chứng. (Về công dụng khác, xin hỏi thăm bản Hội).

Bản Hội có mua bên Pháp hộp Tiết kiệm tốt đẹp bằng sắt ma ken, để cho bà tánh mượn dùng. Xin quý vị hãy đến Hội-quán hay là viết thư ma hỏi cách thữ mượn hộp Tiết kiệm.

Tên chỉ của bản Hội: **LÀM VẼ-VANG CHO XỨ SỞ MINH**

BAN TRỊ-SỰ DANH-DỰ VÀ CỔ-VĂN:

Chánh Hội-trưởng: Mr. HUYNH-ĐÌNH-KHIÊM
(ngài đã từ lạc)

Phó Hội-trưởng: TRAN-TRINH-TRACH. O *
Hội-đồng Hội-nghi-Tư, Ba-liên
(được bầu cử chiếu theo điều thứ 24 trong Điều-lệ)

Hội-viên: Dr. BAILLE DE LANGIBAU-
DIERE, Xã-Tây, Saigon

• Mr. LÊ-PHẠ-AN De-sis, Nghiệp-
chủ, Thủ-đuc.

• Mr. LÊ-VAN-LANG, *
Quan Kỹ sư, Saigon

• Mr. NGUYEN-THANH-LIEM,
Thư-nghiệp-gia Saigon

• Dr. NGUYEN-VAN-THINH Sgon

• Dr. TRAN-VAN-DOY, Saigon.

• Me TRINH-DINH-THAO,
Trang-sư, Saigon.

BAN TRỊ-SỰ VÀ QUẢN-LÝ:

Chánh Hội-trưởng: Mr. TRƯƠNG-VAN-VI. *
Độc-Phủ-sư Hàm ở Caudoc

Phó Hội-trưởng: Dr. TRAN-NHƯ-LAN, Hội-đồng
Quản hạt, Saigon.

Quản-lý Hành sự: Mr. NGUYEN-TAN-VAN,
Nghiệp-chủ Saigon.

Hội-viên: Mr. BUI-QUANG-CHI, Lương-
v bôn-quốc Cholon.

• Mr. NGUYEN-HUU-BO,
Nghiệp chủ, Gorong.

• Mr. NGUYEN-VAN-LIEN,
Bảo-chế-sư, Saigon

• Mr. J.B. NGUYEN-TRUNG-VINH
Nghiệp-chủ, Saigon.

• Mr. THAI-VAN-LAN Alexis, *
Kỹ-sư, Saigon.

Pháp-dinh Tổng-lý: M. Paul LÊ-VAN-GONG.

PHỤ-NỮ

NĂM THỨ SÁU, SỐ 257

Ngày 6 Septembre 1934

Chủ-nhơn:
M^{me} NGUYỄN ĐỨC NHUẬN

TÂN-VĂN

Phụ-nữ' Tân-văn ở Bắc-Hà

Đoàn đại-biểu của *Phụ-nữ Tân-văn* ra Bắc lần này có hai mục-dích rất chánh-dáng:

1) Cờ-động cho báo được thêm nhiều độc-giả ở đất Bắc.

2) Tiếp-xúc với đồng bào nam-nữ ở Bắc-Hà để gần bó tình thân-ái và cùng nhau thảo-luận về các vấn-đề quan-hệ cho nữ-giới Việt-Nam.

Về cái mục-dích thứ nhất, *Phụ-nữ Tân-văn* sẽ đạt được một cách dễ-dàng vì lẽ bôn-báo là một cái cơ-quan được tín-nhiệm của đồng-bào phương Bắc.

Còn tạp-chí nào, nhật-báo nào ở Nam-kỳ mà được đông độc-giả ở Bắc-Hà như *Phụ-nữ Tân-văn*? Chúng tôi lấy làm vinh-diệu rằng: khi bôn-báo bị cấm lưu-hành ở xứ Bắc thì hằng trăm bạn độc-giả đã biên thư và gởi điện-lên vào báo-quản để tỏ tình yêu-quí và thương tiếc.

Cho đến ngày nay vì nhà in và báo quán ở Bắc trả công người làm và thợ-thuyền-bạ hơn ở Nam nhiều mà báo-chi ngoài ấy có cơ dễ tranh phần ưu-thắng trong báo giới Đông-Dương, hơn báo chí Nam-kỳ, tuần-báo *Phụ-nữ Tân-văn* vẫn chiếm được một số độc-giả quan-trọng ở Bắc-Hà.

Đồng-bào ở Bắc vẫn có quan-niệm về văn-học triết-học sâu-xa cho nên rất là thận-trọng trong khi chọn báo để xem mà vẫn dỗi-dải cùng *Phụ-nữ Tân-văn* trong hồi khủng-hoảng này một cách đặc-biệt, như thế là một cơ đủ khiến cho chúng tôi càng nòng trang trong sự duy-trì và tiến-thủ của cơ quan này.

PHU NU TAN VAN

Nhưng vậy được một số độc-giả đồng ở Bắc-kỳ cũng chưa đủ mà gây nên công này việc khác có ảnh-hưởng hay cho nữ-giới ba kỳ. Cơ-quan này phải được gấp hai, gấp ba số độc-giả Bắc-kỳ để cho lực-lượng của mình được tăng-giá.

Nữ giới Việt-Nam cần phải có một cái cơ-quan lớn-lao quan trọng để theo đuổi những công-kuộc tổ-chức và tuyên-truyền cho cái phụ-nữ chủ-nghĩa. Bởi thế cho nên chi đoàn đại-biêu đã ra Bắc để gọi các bạn nam-nữ ngoài ấy giúp vào cơ quan này!

Đến như tiếp xúc cùng chị em và anh em ngoài ấy, các nữ và nam phái-viên của bốn-báo cũng sẽ thiết-nhánh cái mục đích như đã làm đối với đồng-bào ở Trung-kỳ. Còn gì hữu-ích cho tình đoàn-thể của nữ-lưu Bắc Nam hơn là các phụ-nữ tiên tiến và hoạt động trong ba kỳ được gặp-gỡ cùng nhau để thảo-luận về các vấn-đề quan-hệ đến sự sanh-tồn ở hiện-tại và tương-lai của đoàn thể mình?

Cuộc lữ-hành của bạn Nguyễn-thị-Kiểm ở Trung-kỳ không phải là vô-ích cho cái trào-lưu phụ-nữ ở xứ ta đâu. Cuộc nói chuyện của cô ở Huế, những thơ văn của các bạn gái ở Trung-kỳ đã hưởng-ứng cùng chúng tôi mà cho đáng vào *Phụ-nữ Tân văn* sau cuộc lữ-hành, bấy nhiêu việc ấy đủ minh chứng rằng những cuộc gặp-gỡ của phụ-nữ ba kỳ trong những cảnh ngộ long trọng rất là có lợi cho sự tranh đấu của đàn-bà.

Phụ-nữ vốn giàu thông minh và nghị-lực mà vẫn chậm chạp trề bước hơn đàn bà Tàu, Thổ-nhĩ-kỳ Phi-luật-Tân văn vân..., thiết là một sự thể không nên có. Các bạn gái tiên-tiến ở trong nam đã hô-hào và bắt đầu tổ-chức ra hội *cựu-học sinh Nữ-học...*, *Nữ-lưu học-hội*, nhưng mà muốn cho cuộc vận-động của chị em được mau có hiệu-quả thì cần phải gây ra nhiều cơ-hội để cho trong ba kỳ, phụ-nữ có dịp bắt tay nhau để thảo luận về mọi vấn-đề cần yếu.

Ước gì cuộc đi của phái-bộ *Phụ-nữ Tân-văn* đặt được ít nhiều hy-vọng ấy!

Phụ nữ tân văn



Diễn tín Arip quá - quyết rằng có 7 vạn người Sarrois tuyên-thệ ngày 18 Septembre tới đây sẽ bỏ thăm giữ chế-độ cũ, không bằng lòng cho vùng Sarre trở về nước Đức.

Cuộc biểu-tình ở Sulzbach do phái phân-đối sự gia-nhập về nước Đức cũ kết-quả to-tác. Đó là vì: 1) người Pháp giỏi cõ động, để giữ quyền-lợi mình ở Sarre, 2) vì dân Đức ở Sarre đã chán cái thủ-đoạn áp-chế của bọn Quốc-xã (tức là bọn Quốc-gia xã-hội).

Trong cuộc biểu-tình ngày thứ hai tuần rồi, có 2 người quốc-gia xã-hội dâng liệng trái phá khí ngạt về phía để bàn có các viên chức cảnh-sát và một thám-ngiờ. Hai người này đều bị bắt.

Thời cuộc Âu-châu rối rắm vô cùng; nước Đức thua trận đến nỗi phải bị cắt đất và thành ra như một cái bán-thuộc-địa của Pháp-quốc, hóa ra sự sinh hoạt của dân Đức rất khốn-đốn, mà dân Đức là dân một nước kỹ-nghệ đã tiến-bộ lắm, giai-cấp vô-sân đông-dúc và tiên-tiến, đã một lần làm vô-trạng bạo động (1919) để cướp chánh-quyền, chẳng may bị bọn xã-hội dâng phá đến thất-bại. Đứng trước tình-sanh mà điều ước Versailles đã gây nên, xã-hội Đức phân-động lại dữ dội.

Nay bọn Hitler còn giữ quyền độc-tái, các đảng phái lao-động và vô-sân đều bị cấm, hóa ra ở vùng sarre, nhà chánh-trị Pháp dễ cõ động để chống lại với sự xáp-nhập vùng này về Đức như xưa.

H. P.

Chủ chứa những tiệm quay số ra trước tòa

Đừng ra xin phép mở tiệm quay số, là một việc khó; người mình đầu ba đầu sáu tay cũng không thể nào xin được « ba tăng » được. Mà người chà, cũng không phải dễ-đúng gì: Bởi nhiều lẽ riêng, nên số dĩ mấy tiệm quay số được mở của trong mấy tháng trước, là nhờ người đứng ra xin, — dân tây, — mà tây thiệt nữa, — Colonna d'Istria, viện lẽ rằng quay số là một cách chơi, dùng tài hay, phóng tên vào bàn quay số, ăn thua bằng thuốc; chứ không phải ăn may thua rủi, như các môn cờ bạc.

Vì vậy nên Saigon có đến 40 tiệm quay số. Nhà chuyên trách xét cách chơi quay số có hại, vì không phải môn chơi dùng tài hay mà lại là do nơi sự ăn may thua rủi, nên mới có chỉ-dụ của quan thống-đốc cấm, và lời chủ-chứa ra tòa.

Tuần rồi tòa phúc-án trưng trị đem Colonna d'Istria ra xử. Quan chánh-tòa Sicé, phúc-bẩm-viên, — cắt nghĩa cách chơi quay số rằng rõ lắm, rồi kết luận rằng chơi kiểu đó là cờ-bạc vậy.

Quan chương-lý Léger buộc tội gắt lắm, nói rằng: « Nơi tòa trưng-trị, Colonna được tha nên ít hôm sau có hơn 40 tiệm khác mở cửa... » Xét vì quay số là một môn cờ-bạc, ăn may thua rủi, nên xin tòa kết tội Colonna.

Trạng-sư viện nhiều lẽ, bênh vực Colonna, nhưng cũng không khỏi tội.

Sau khi nghị án, tòa phạt Colonna 10) quan tiền và, và được hưởng án treo.



Lúa gạo lên giá

Mấy ngày rày lúa xay ra gạo số 1, bán mỗi tạ là 1p.85. Còn bắp thì trong một tuần nay giá từ 3p.80 đến 4p.20 mỗi trăm kilos.

Người ta nói rằng lúa xay ra gạo số 1 bán với cái giá 1p.85 một tạ là vừa đúng với cái nguyên giá chứ không lời mà cũng không lỗ. Trong năm này, lần này mới là lần đầu mà mình thấy các nông-gia khỏi bị bán lỗ, đó cũng là nhờ ở Trung-Hoa và ở Âu-châu, trời nắng hạn mùa màng thất bát, nên gạo của chúng ta mới lên cái giá ấy.

Theo mấy con số chánh-phủ cho hay về mùa màng tháng năm ở Bắc-kỳ, thì năm nay được 580.000 tấn, năm ngoái được 634.000 tấn, tính ra được 670.000 tấn theo mực trung bình ở mười năm về trước.

Năm nay tổng cộng số đất có làm ruộng thì được 468.000 mẫu bởi năm 1933 được 499.000 tấn.

Mùa màng ở Bắc bị thất bát vì nắng hạn.

oo

Người chụp và người bán hình đàn-bà lỏa-thể bị bắt ở Hải-phong

Vừa rồi, Trần-văn-Khôi đem hình đàn-bà lỏa-thể ra bán, mời khách qua lại mua dùm. Trong những khách mua, lại động nhòm nhà chuyên-trách; ông cô Versin.

Bắt Khôi đem về bót, hỏi những hình ấy ở đâu Khôi có, Khôi khai cho M. Nguyễn-anh-Long, chủ hiệu Photo Studio, giao cho anh ta đi bán.

Đôi Long, Long khai rằng: Một lần nọ, có một người nào dẫn đến tiệm mượn chụp hai người đàn-bà cõ trần-trường.

Sử một-thăm đến xét tiệm, gặp được 17 tấm khác.

Long được tại ngoại hầu tra, còn Khôi bị tổng-giam.

**Vì cờ bạc một thầy làm
việc sớ bừa diên lấy
tiền kết rồi bỏ sớ**

Chúng tôi mới nhận được một lá thư của một bạn gái ở Fort-Bayard thuật chuyện thầy ký nọ, vì cờ bạc, — mà nhứt là vì bà vợ thua nhiều lắm, — nên hôm 16 tây vừa rồi, lấy tiền kết trong sớ bừa-diên 200 đồng rồi trốn bỏ sớ.

Xài thâm tiền kết, là một việc thường, nhưng chuyện thầy ký này có điều lạ là tại nơi bà vợ cờ bạc.



Sau khi hay chồng bỏ sớ làm, bà vợ ăn-năn, nhưng việc đã lỡ rồi, bà tức mình đi tuốt ra bờ biển tỉnh tự tử. Hai đứa con thấy mẹ muốn chết chạy la cầu-cứu. Nhờ vậy mà lối-xóm hay, chạy ra khuyên lơn, an ủi, bà mới không tính chết nữa.

Đàn-bà đề có mấy ai?

Cóc chữa bệnh hạch ?

Gần đây có ít tờ báo đăng phương thuốc trừ bệnh hạch, như là bắt con cóc giết rồi đặt nơi mục hạch, hay là lấy rau mạt lục bình (sen Nhứt-bồn) đem lấy nước cho uống còn xác thì đặt nơi mục hạch.

Mấy phương thuốc trên đây theo lời người đăng báo thì nói chắc là thần hiệu lắm, 100 bệnh trị được 90 bệnh lành.

Theo ý chúng tôi thì chưa lấy chi làm chắc, ước chừng chỉ mấy ông bác-sĩ trong nước khi nghe mấy cái tin như vậy, mấy ông đứng xem thường mà bỏ qua, cứ đem cổ lục-bình và cóc lại phòng thí-nghiệm mà thí-nghiệm, coi thử trong cổ lục bình và thân thể con cóc có chất gì trừ được vi trùng bệnh hạch chăng?

Như có thí tuyên bố cho công chúng biết và cứ đó mà phăng riết tới, rồi chế ra một thứ thuốc để trị bệnh hạch, bằng chẳng thấy gì là công hiệu thì báo cáo cho công chúng biết. Tưởng đó là phân-sự của phòng thí-nghiệm chẳng nên bỏ qua.



**Trường Pháp-Việt ngoài
Bắc khởi dạy chữ nho**

Khai-trường tới đây, các trường Pháp-Việt ngoài Bắc-khởi học chữ nho. Nha Học-Chánh bày ra dạy chữ nho là một việc đại ích, vì bao giờ chữ nho cũng quan-hệ với quốc-văn.

Học chữ nho là một việc phải, nhưng thử hỏi, làm sao dạy được? Máy thầy-giáo phần nhiều không biết chữ nho, mà bắt buộc họ dạy thì thật là một việc phiền-phức hết sức. Nếu phải « lượm-lặt » năm ba ngày trước, rồi đến giờ dạy chữ-hán, đứng ra đối đáp-ứng, qua-loa vậy là được rồi chăng?



Bởi các cơ đó, nên có một hai tờ báo ngoài Bắc lo ngại cho việc dạy chữ hán không được kết-quả tốt đẹp.

Muốn được hoàn-toàn trong việc dạy chữ nho, thì tưởng nên lựa những người có nho-học, chuyên môn việc dạy chữ nho, mỗi tuần lễ một vài giờ, rồi phân ra, dạy mỗi lớp. Cũng như các trường tư ở đây, đã có dạy chữ nho rồi vậy.

**PHU-NỮ'
CHÚ'C
NGHIỆP**



**CÓ ĐEM PHỤ-NỮ ĐẾN
TỘT ĐƯỜNG GIẢI-
PHÓNG CHĂNG?**

Gần đây thấy có nhiều nhà « chánh-trị » đề-xướng « phụ-nữ chức-nghiệp để giải-phóng cho phụ-nữ. »

Theo con mắt của mấy người này thì : phụ nữ số-dĩ bị áp bức là bởi về kinh-tế bị phụ-thuộc cha mẹ; chồng con. Muốn giải-thoát ách buộc ràng lại pháp-phòng, sợ khi ra khỏi nhà bị đói lạnh.

Vì thế mà vấn-đề phụ-nữ chức-nghiệp dấy-dậy trên mặt báo.

Nay thử xét coi chức-nghiệp có giải-phóng phụ-nữ không?

Tôi thử đứng về hai phương-diện :

1. Nếu tôi là con nhà « có ăn » (nghĩa là tôi vào hạng tiểu-tư-bần) mà tôi có chức-nghiệp thì có lẽ tôi được giải-phóng chút-ít trong phạm vi hủ-lộ của gia-đình.

Sân của sân tiền, ăn không ngồi rồi, buồn vì phận khuê-môn bất-xuất, may gặp lúc họ đề-xướng các nghề sang trọng, được tiếng khen là nữ công nữ-hạnh, được đi sớm về tối, thông-dong, được khen là lo giúp việc xã-hội, được khen có nghề tự lập v. v.. thì tôi vui mừng ngửa hai tay mà rước cái hạnh-phúc ấy.

2. Trái lại nếu tôi là con nhà « nghèo khổ », mới lên mười tuổi đã đi ở-dự cho nhà giàu, mười bốn, mười tám tuổi đã cấy, gặt mướn; chằm-là mướn; hoặc bán rau cải ngoài chợ, hay tối ngày phải vai gánh miệng rao; xói chè, bấp chuối v. v. Đó là tôi ở trong nhà-quê. — Vì tôi mà sanh ra ở Saigon,

thì ở cái địa vị vô sản của tôi nó chỉ làm cho tôi càng đau-đớn nửa mà thôi. Lầu cao cửa rộng, tôi mà có ra vào là ra vào để rước lấy khổ nhọc đơ-dây cho người quyền quý phú hào. Bông kim cương vòng ngọc thạch, vóc thượng hải, lụa bom-bay, bao những món không thể tra vào cái thân cùi đây này, nghĩ càng điều-đứng! Com cao-lầu, rượu nhà hàng lớn, bát rap tây, lui tới kia ai, mà mình thì lùn-quắt trong xưởng may, trông chợ tanh nhớt cá. Lại những cửa hàng lộng-lẫy chung diện những sách vàng trắng đỏ xanh... tôi không biết người ta đem tiền vào mà mua gì trong ấy. Tôi muốn biết, mà biết làm sao? Cho đến nhứt trình chữ quốc-ngữ mà tôi cũng không hiểu hết, nữa chi là báo sách chữ tây tàu!

Bao nhiêu những lạc-thú của người thị-thành, tôi đành phải dẹp lại mà đi gánh nước mướn, gánh hồ mướn, gánh gạch mướn; hoặc vào nhà máy và bao-rách; hoặc vô mây hãng thuốc dạng xé thuốc mà ngồi lấy cái không khí nặng-nề uế-trọc.

Những việc tôi phải làm từ nhỏ tới bây giờ đã kể sơ trên kia, có gọi là « chức-nghiệp » được chăng? Có phải chức-nghiệp chăng? — Hay là mấy nghề của tôi làm nọ « hèn » quá không xứng đáng với cái danh-từ « phụ-nữ chức-nghiệp » tốt đẹp kia?

Xứng đáng hay không xứng đáng chẳng qua là một lời nói tùy tư-tưởng mà thôi, chờ kỳ thật thì mấy « việc làm » trên không phải *nghề nghiệp* thời là gì?

Sáng ngày 22 Aout, ban Đại-biêu của hồn-báo đã khởi-hành ra Bắc. Trong ban Đại-biêu có qui có : Nguyễn-thị-Kiểm, Phan-thị-Nga; qui ông : Nguyễn-diệu-Trị và Nguyễn-đức-Nhuận, hồn báo chủ-nhiệm.

Ban Đại-biêu của hồn - báo được viếng mấy ngàn độc-giả yêu quý ở Bắc Hà, được biết hiện-tình của chị em phương xa và quan-sát kỹ về công, thương, kỹ-nghệ xứ Bắc.

Địa-chỉ của ban đại-biêu tại Bắc từ 1er tới 15 Septembre : 53 rue de la Chaux — Hanoi.

Thế thời tôi vẫn có chức nghiệp từ lúc chưa thấy ni dề-xương văn-đề phụ nữ chức-nghiep; mãi đến nay tôi nào được giải-phóng bao giờ !

Tôi vẫn phải làm việc nhọc-nhân, mà tiền công thật rẻ; không đủ xây xài. Vô chỗ làm thì chủ hăm, cấp-ràng đánh, nay cúp tiền, mai đuổi v.v.

Ngày bốn lượt nhà xa, phải lội bộ bốn năm cây số, đang đầu đầu nắng, đầu mưa. Như vậy chức-nghiep tôi có giải phóng tôi chút nào đâu !

Thử xem địa-vị của tôi trong xã hội tư hữu này phải chịu thiệt-hại tới đâu: Đầu tá một tới quanh năm tay làm không đủ hàm nhai, rồi bị bệnh hoạn rồi ro trong khi làm việc, cũng chẳng đáng luật chờ che bão hồ; còn tới lúc bị bắt, bị đào thải vì hợp-lý hóa vì kinh-tế khủng hoảng mà thành ra thất-nghiep, thì ôi thôi! sự khốc liệt không thể tả ra, đâu có « cơm thất nghiệp » mặc đầu !

Tôi chẳng thấy tôi được giải-phóng chút nào cả, nghèo khổ cũng vẫn còn nghèo khổ. Thậm chí bộ đồ vải đen trở mốc cũng dính mãi trong mình tôi; tôi chưa thể giải thoát được...

Tóm lại: Chức-nghiep chỉ giải phóng hạng phụ nữ tiểu-tư-sản trong vòng gia-đình mà thôi.

Nhưng hạng phụ nữ tiểu-tư-sản là phần 1 mà lại đầu chưa nhò chức nghiệp giải-phóng cũng sung-sướng dư rồi

Cần chú-ý, cần giải phóng là hạng phụ nữ nghèo, là hạng phụ nữ bán công nuôi miệng một cách cực khổ kia.

Hạng này là hạng bị áp bức bị bóc-lột hơn hết; mà cũng là hạng chiếm đại-da số trong xã-hội, mà « chức nghiệp » thì không làm sao mà giải-phóng cho hạng phụ nữ nghèo này được, như trên đã nói.

Vậy thì dề-xương « phụ nữ chức-nghiep » mà nói là dề « giải phóng cho phụ nữ » là một chuyện làm nếu không phải là du-siêm phờ phĩnh

Ph văn Hùm

ĐỢI PHÒNG KHÁM BỆNH

DOCTEUR NGUYEN-VAN-TÂN

TRỊ BỆNH CON MẮT

300, Rue Chasseloup Laubat, Saigon

(cạnh vườn Paire Maurice Long)

NGHỀ VŨ-NỮ

It lâu nay trong xã-hội ta có sanh thêm một nghề: nghề vũ-nữ.

Con gái ăn-vận và trang-diễm đẹp làm ở nhà dancing gọi là vũ-nữ, (danseuse), có tiền lương cho nên cho là một nghề làm ăn.

Gần đây thấy quảng cáo trong các báo nói một tiệm rượu kia cần dùng nhiều con gái đẹp ăn vận lịch-sự và nhiều vũ-nữ để hầu khách.

Trong đạo khủng-hoảng này, nhiều phụ-nữ thất-nghiep gặp cái lời rao này thì mừng lắm, đua nhau đến dancing để xin làm. Chủ hàng buộc người xin làm nhiều điều mà đại khái có những điều quan-trọng này:

Phải ăn-vận và trang-diễm lịch-sự.

Phải làm 16 giờ mỗi ngày.

Phải làm vui lòng khách.

— Lương tháng bao nhiêu?

— Mười đồng bạc.

Làm vũ-nữ hay là hầu khách mà chỉ có 10 đồng bạc lương tháng, lại phải ăn vận lịch-sự, son tô phấn dề thì là nghĩa gì? Biết bao là bạn gái thất-nghiep chỉ vì không việc làm, chỉ vì phải sinh nhai mà dẫn thân vào các dancing, rồi vì thi-hành các điều kiện: ăn vận và trang-diễm lịch-sự, mà phải thành ra cái đời không hay?

Mười sáu giờ hầu khách, cái nghề mới cực chó! Sự bóc lột mới ghê chó!

Tôi cũng biết khủng hoảng càng đi tới chừng nào thì lắm người càng tinh hơn, trong nghề lợi-dụng. Nào là bóc ma, nào là xem tướng khoa-học vân vân, toàn là lối bóc lột cả. Nhưng mà phụ-nữ lao-công bị làm vào những dancing, phần nhiều không biết là mình bị lợi dụng. Chị em ấy tưởng nó có thể là một nghề sinh nhai từ từ.

Bởi vậy tôi viết mấy dòng này mong cho các bạn gái nào muốn làm việc ở các dancing nên dề ý mà lo và những bạn đã vào làm các nơi ấy nên bảo thủ quyền lợi của mình, chớ dề cho kẻ khôn nạn dầy mình vào cảnh ngộ không hay.

Mme Nguyễn-Đức-Nhuận

Chùm hoa hàm tiêu



Từ vua Thuần cho đến nhà nữ-thể-tháo ở Clermont-Ferrant

Trong các tập sách « Tân-Thơ » của người Tàu, chỉ duy có cuốn « Cách-tri tinh hoa » là đọc dễ buồn cười hơn hết.

Tác-giả cuốn sách ấy đã hết sức sưu-tầm những lịch-xử điển củ ở Kinh, Truyện cùng bao nhiêu bà-gia, chư-tử mà nói một cách rất châm-bẩm rằng: « Tất cả các điều phát-minh khoa-học đời nay, đều do ở Tàu xưa mà ra hết. »

Chứng-cứ của lão này đã trưng ra đăng-xương lên cái thuyết đồ, phần nhiều đều là những chuyện « sợi tóc chẻ làm hai ». Giả-tỷ như nói về điện-học, thì chàng-và bảo người Tàu đã phát-minh ra điện-học trước ai hết. Vì trong sách Quân-tử có câu « kích thạch sanh quang » = « chạm đá ra lửa », tức là thí-tô của điện-học chớ gì? Nói tới toán-học, thì chàng-và lại dẫn câu chỉ chỉ trong Luận-ngữ mà nói ông Diêm-câu, môn-đệ của Khổng-phu-tử, là người đã phát-minh ra kỹ-hà-học (Géométrie).

Về phương-diện khoa-học mà mỗi việc mỗi dành lấy cái danh-dự phát-minh cho người Tàu như thế, thật là « vông tự tôn đại », dễ buồn cười!

Song nếu cứ bình-tĩnh mà nói, thì người Tàu cũng đã phát-minh ra nhiều việc, mà hiện nay như-loại văn-minh khoa-học vẫn đương chịu bao nhiêu ảnh-hưởng xấu và hưởng bao nhiêu cứu cánh tốt đẹp.

Người Tàu đã phát-minh ra thuốc súng, mà làm cho như-loại càng ngày càng thiện-dụng thêm, dề tàn-sát nhau. Kim-chỉ-nam của người Tàu, ống tuyên-cơ, ngọc-hành, thí-tô của các thứ ống xem tinh-tú để học thiên-văn, cũng do người Tàu bày ra trước nhất.

Đó là Minh-Nguyệt biết bao nhiêu thì nói bấy nhiêu,

chớ nếu ai khảo cứu kỹ, chắc sẽ thấy người Tàu đã phát-minh nhiều điều khác nữa. Vì chánh ngay cái thí-tô (parachute) để cho những nhà hàng-không, ở trên máy bay hay khinh-khi-cầu, rồi gặp điện chí nguy-biến thì dềo nó mà nhảy xuống đất, là cũng do người Tàu đã phát-minh ra trước từ năm sáu ngàn năm nay.

Thật th, ngày nọ, — cách đây chừng 7000 năm, — Tồn-Tượng em vua Thuần, vì ngạo nên muốn giết anh mình dề giết hai người chị dâu và cây đòn kim, mới mưu với cha là ông Cồ-Tâu, biểu vua Thuần lên lợp nhà và đốt nhà cho vua này bị chết thiêu chơi. Ngó đầu, sau khi lửa phát, thì vua Thuần lại hai tay cặp hai cái nón kèm vào hai vai, làm như cái cánh, ở trên nóc nhà nhảy xuống đất như bay, mà thoát khỏi hỏa-hoạn. Hai cái nón của vua Thuần ngày xưa tức là thí-tô của cái dù (parachute) ngày nay vậy.

Hướng chỉ cái lối lấy nón làm cánh để ở trên cao nhảy xuống của vua Thuần, hiện nay cũng còn nhiều kẻ dùng; dùng một cách vụng-về hơn. Minh-Nguyệt tưởng dề-giả cũng còn nhớ vụ « Đạo bay » ở Mytho vừa rồi chớ?

Mấy ông đạo này cũng chấp cánh vào vai như vua Thuần ngày xưa, rồi lên tuốt trên « ca-lan » rơm mà nhảy xuống. Song chỉ một điều khác là nhảy làm sao không biết mà ông nào, ông nấy lò đầu, chày máu, cho đến nổi thể với nhau rằng từ rày sắp về sau quyết chẳng bao giờ học dềi thánh-nhơn nữa.

Thử đó là thứ đồ, chẳng nói làm chi. Chớ thứ giỏi, thì cái cặp nón kia cho đến cái dù (parachute) nọ, họ đã tấn-bộ một cách phi-thường. Chẳng những là họ ở trên không, cách mặt đất một vài ngàn thước, họ cũng dám ôm dù họ nhảy xuống, mà một đôi khi họ lại còn ước-ao như nhà nữ-thể-tháo ở Clermont-Ferrand là một nhà thiện-nghệ nhảy dù (parachutiste) đã nói với phóng-viên của tạp-chí « VOILA » rằng: « Cái mộng-tưởng của tôi là được ôm lấy người tình-nhơn, ở trên không nhảy xuống, rồi cùng nhau thương yêu, đàn-diêu giữa đám mây xanh; thế mới thích chi! »

Thích chi thiệt! Song em tưởng trong khi vua Thuần ở trên nóc nhà của ông Cồ-Tâu nhảy xuống, thì chẳng hề muốn cặp sách hai bà Nga-Hoàng, Nữ-Anh theo. Mà bao nhiêu những khách đa-tình đời nay cũng chẳng một ai chịu theo cái lối mà « thương yêu đàn-diêu giữa đám mây xanh » như cô kia đã mộng-tưởng.

Song thế mới thật là « tình cao-thượng »

Vậy mà ai là khách đa-tình?

MINH-NGUYỆT

BẠN TRAI, BẠN GÁI

PHAN - VĂN - HÙM

Có người đem nói với Khổng-Tử rằng ở nước Y, có kẻ cha ăn trộm dê, mà tự mình là con, lại ra đứng làm chứng. — Khổng-Tử bảo: đó là việc không hiệp tình thiên-nhiên; ở nước của Khổng-Tử thì không có như vậy được: kẻ cha ăn trộm dê thì con giấu giếm cho cha, như vậy mới là hiệp tình thiên-nhiên.

Nay phần đông bạn trai bạn gái cùng kết tình bằng-hữu, mà nói rằng trong cái tình bằng-hữu đó, chỉ có sự trong-trẻo không có chút bợn tình nam-nữ, thời tôi cũng e rằng lời nói đó không hiệp tình thiên-nhiên.

Chẳng qua là ở cái xã-hội này, đi đâu, trong cảnh-giới nào, cũng dung dẫu sự láo-dối. Láo-dối lớn lao, to tát. Tức là cái láo-dối mà Romain Rolland gọi bằng « láo dối của xã-hội » (mensonge social) Không biết có phải tại tôi nhầm Rolland chăng, vì thiếu thời đọc Rolland nhiều, hay là tại sự xem xét của tôi thô sơ và chủ quan, mà tôi nghĩ như vậy.

Trước kia tôi có dịch một đoạn văn của André Maurois cũng nói về ái tình bằng bạn giữa trai và gái. Maurois cũng chỉ cái chỗ láo ấy.

Trong tâm lý con người có hai phần. Một phần đại-láo-dối, là phần ý-thức (la conscience). Ý-thức tức là cái làm cho mình biết mà tiếp xúc với ngoại giới, mà trừng tâm nội-tĩnh. Cái ý-thức đó, vì nó là phần biết, cho nên nó cũng là phần láo. « Mac niện hồ ần, mạc hiền hồ vi » câu ấy của Khổng-Tử, nghĩa là cái kín của mình riêng biết trong lòng mình, cái nhỏ của mình riêng thấy trong lòng mình, thời không ai rõ hơn mình, về chỗ đó được. Chỉ có mình mới rõ thấy, mà người quân tử mới trị-mình từ trong tác lòng ần vi.

Có người quen tôi, có lẽ nay là giáo-sư, có lẽ nay là đốc-học trường công trường tư nào đó, ông ta có lần nói rằng, ông ta thấy cái khăn tay của chị dâu, thì vui khoái. Lời nói ấy là lời nói phân-tích tâm-lý, vì ông ta học tâm-lý-học, chứ không phải là lời nói vô-ý-thức. Ông ta ngay tình mà nói ra, ông ta nội-tĩnh mà nói ra. Còn bao nhiêu người, không nói ra cái nỗi ần vi trong lòng, chưa chắc đã khỏi vòng tâm-lý chung.

Còn một phần nữa của tâm-lý, là cái phần tiềm-thức (la subconscience). Cái phần này gần đây được khám phá triệt để là nhờ bác sĩ Freud ở Vienne.

Cái phần này ta có thể nói nó là cái phần thiệt-thà ngay thẳng của tâm-lý. Nó chỉ hiện ra những khi nào phần kia, là phần khôn, là phần chuyên-chế, bị mệt-nhọc, lu-lờ, điên-đảo mà thôi. Trong cơn điên, trong khi đau yếu sáng mê, trong khi già-nua lần-cần, trong khi mệt nhọc chiêm-bao, thì phần tiềm thức nó hiện ra rõ ràng không còn bị ý-thức hạn-chế cương-tỏa; bấy giờ nó mới ngang tàng tự-tiện, thì lúc bấy giờ cái phần thiệt-tình trong con người mới lộ hết ra, không còn biết mắc cỡ, không sợ xã-hội, luân-lý, luận-lý gì nữa. « Người làm sao chiêm bao làm vậy » là một lời tục-ngữ ta, đã cực-lả cái tiềm-thức và nhân đó mà chỉ rõ sự láo dối của kẻ tính.

Lúc tỉnh thời lời với lòng có dễ gì đi cặp với nhau đâu. Tôi không nhầm nhắc lại lời nói của ông thầy cũ tôi là ông Dr Maurice Dide, viện-l rường nhà thương điên ở Toulouse. Ông nói: « Le langage est l'expression ou plutôt la dissimulation de la pensée » (Lời nói là cái để biểu-hiệu, hay là nói đúng hơn là cái để giấu giếm tư-tưởng).

Bao nhiêu kẻ bạn trai bạn gái cùng kết bạn đậm-dà với nhau, dẫu cho cùng giữ giá-trị, không xâm-lấn qua ruộng-tình, cứ đứng trong vòng thanh-cao cao-thượng của tình bằng-hữu, thì cũng chưa ắt bên trong, — bên trong sâu sắc của tâm hồn, trong lốt đáy tiềm-thức — mà khỏi có cái lần-diện tình nam-nữ nó xẹt ngang qua đó.

Cảm tình qua tình nam-nữ qua luyện-tình, qua ái-tình, là một chiều liên-tiếp, không gián đoạn. Chẳng qua một người nếu có nghị-lực thời giữ mình từ trong ần-vi, mà « thận kỳ độc-giả », (nghĩa là cẩn-thận nơi chỗ riêng mình mình biết.) Được như thế thời hay, mà chối rằng giữa bạn trai bạn gái không có dấu vết của tình nam-nữ, thời là nói e không hiệp tình thiên-nhiên.

P.v.H.

Ý-KIỆN CỦA MỘT BẠN THANH-NIÊN DU HỌC ĐỐI VỚI THUYẾT TAM-TÙNG

của HUỖNH-VĂN-PHƯƠNG

« Con gái khi chưa xuất giá, thì phải tùng cha mẹ, khi xuất giá rồi phải tùng chồng, khi chồng chết phải tùng con. »

« Cái thuyết « Tam-tùng » ấy còn có thể đứng vững với thời-dại này nữa « không » — Ấy là câu hỏi của P. N. T. V. có quan hệ đến luân-lý, phong-tục và tình-hình phụ-nữ của nước ta. Tôi xin trả lời như sau đây :

Đại khái. — Thuyết « Tam-Tùng » cũng như các thuyết khác về luân-lý đạo-đức pháp-luật, chánh-trị, tôn-giáo, phong-tục trong cuộc biến-thiên của xã-hội, thì không thể không biến đổi được. Xã hội loài người đã trải qua nhiều thời kỳ lịch-sử từ thời đại dã-man, thượng-cổ, trung-cổ, phong-kiến, văn-minh cho đến ngày nay. Mỗi thời đại đều cấu-tạo ra một cái « rường » lý-thuyết để bảo-chữa và duy-trì nền tảng của chế độ đương-kim tất là của giai-cấp thống-trị trong thời đại đó. Thiết-tưởng ngày nay ai cũng công-nhận rằng phong-tục luân-lý, pháp-luật v. v. đều tùy theo thời đại mà biến đổi.

Vậy muốn trả lời cho đúng câu hỏi trên đây thì trước hết phải biết :

1.) Cái thuyết « Tam-tùng » phát sinh vào thời đại nào ?

2.) Nước ta hiện nay ở vào thời đại nào ?

Đứng về phương diện lịch-sử mà nghiên-cứu thì loài người tiến-hóa từ thời đại dã-man với sự cưới gả nhóm (mariage par groupe) nghĩa là mỗi người đàn-ông là chồng của mỗi người đàn-bà, mỗi người đàn-bà là vợ chung của tất cả đàn-ông. Trong thời kỳ này đàn-bà có nhiều quyền hơn đàn-ông. Như là con phải theo bên Mẹ. Đó là chế-độ Mẫu-quyền. Qua đến thời đại bán-khai với sự cưới gả lấy làm đơn sơ dân-dị (bắt-vợ, hoặc mua vợ (par rapt ou par achat). Một vợ một chồng — Gia đình từ đây phát sinh trong vòng bộ-lạc. Đàn-bà cũng còn cầm quyền trong gia đình, vì sự nấu nướng, cho ăn trong bộ-lạc, cũng còn tánh-chất

xã-hội (mariage syndyasmique) — Qua đến thời đại văn-minh chế độ một vợ một chồng, lại phụ thêm chế độ ngoại tình (adultère) và mai dâm (prostitution).

Trong thời kỳ giữa hai cái chế độ nói trên đây điều kiện sinh hoạt biến đổi làm cho đàn bà lần lần sa vào một cái hoàn cảnh nô-lệ của đàn ông. — Những lý thuyết để giam-hãm đàn bà vào khuôn khổ chật hẹp như là : « tam-tùng » « tứ-đức » v.v... đều do đó mà phát khởi.

Về thời đại dã-man. — Trong gia đình công cộng nhiều cặp vợ chồng cùng con cái ăn ở chung nhau (1), thì sự nấu nướng ăn uống về người đàn bà chỉ-huy là một cuộc sản-nghiệp chung, một việc xã-hội cũng như công việc của người đàn ông đi hái lượm, săn bắn, kiếm đồ vật thực về cho gia đình mình vậy. — Trong cái gia đình công cộng ấy, ta có thể cho rằng nam-nữ bình-quyền. Và lại con theo Mẹ thì cái quyền người Mẹ lại trời lên nữa.

Thời đại bán-khai và phong-kiến. Là thời đại chăn nuôi, trồng lúa. Dân « ăm-Du » (nomades) nay đã được an cư, lập nghiệp chẳng còn rày đây mai đó kiếm ăn dẫu giành củi bãi nữa.

Mấy cái gia đình chuyên về chăn nuôi lần lần tách ra khỏi đám dã-man để mưu sự sinh tồn riêng. Gia đình gom nhỏ lại, đàn ông lo việc chăn nuôi, đối-chắc nào là sữa, bánh sữa, thịt, da, lông trừu, chỉ, vải, v.v... lần lần qui-tụ của cái nhiều đồ dự trữ trong nhà ăn bằng năm không hết. Đó là cái mầm của tư-hữu ần sản (germe de la propriété privée) — Đồng thời phát-sinh sự trồng trọt (lúa mì, khoai, bắp) — Mấy miếng đất ấy lần lần vào tay làm của riêng cho những người khai phá, những mấy ông Tộc-trưởng.

(1) Như là ở miền Tây-bắc nước Mỹ. Ở đảo Ile de la Reine Charlotte người ta gặp tại Haidaules ở chung nhau trong một gia đình cho đến 700 người, còn tại Nootka tất cả bộ-lạc ở chung nhau một nhà. (voir Bancroft).

PHU NU TAN VAN

Cũng trong thời kỳ này lại phát minh ra nghề dệt, mấy cuộc khám phá các mỏ và đồ đúc các loại kim như là : kẽm, đồng và sắt ; đồng với sắt để dùng làm khí giới.

Có khí giới, có tài sản riêng tất có chiến tranh. Mà chiến tranh lại giúp cho những hủ-lạc chiến thắng được « bất moi » để thêm nhơn công trong cuộc khai phá đất đai và trồng trọt của họ.

Từ đây phát khởi cuộc phân chia xã hội làm hai giai cấp : chủ với tớ ; kẻ bóc-lột và kẻ bị bóc-lột v.v.

Từ đây sự kế hoạch tương tài sản của gia đình là về phần đàn ông, thú vật cũng của đàn ông, tới mọi công của đàn ông, thì đối với mấy vật ấy một mình đàn ông có quyền thái. Còn đàn bà cũng ở trong nhà nhưng lần lần mất hết các quyền lúc trước. Cái trách nhiệm của xã-hội nấu nướng cho ăn khi xưa nay trở ra cái trách nhiệm phụ thuộc, không còn tánh chất xã hội như trước nữa.

Tôi moi của ông chủ cũng có thể thay thế vào. Người đàn bà lần lần trở nên một món đồ chơi cho đàn ông là vậy.

Đàn ông vì làm ra tài sản riêng, muốn để lại cho con cháu mình nối nghiệp sau khi mình chết. Thế họ lần lần đổi cái chế độ Mẫu quyền ra Phụ quyền, nghĩa là con phải theo hên cha, theo họ cha. Trước kia đàn bà có quyền có nhiều chồng thế để con thì có biết ai làm cha, nên phải theo hên mẹ. Nay muốn cho con theo họ cha để hưởng tài sản của cha để lại, tất phải buộc người đàn-bà trung tín với chồng, (trai năm thế bảy thiệp, gái chính chẵn một chồng) khép người đàn bà vào khuôn khổ « tam tòng » « tứ đức ».

Từ đây gia đình trở nên một cơ quan mạnh bạo nó sẽ đánh đổ bộ tộc và kéo xã-hội vào thời đại « Phong kiến » và tiểu tư bản.

2. — Nước ta ngày nay ở vào thời đại nào ?

Chắc ai cũng biết rằng xã-hội ta nay đã vào thời kỳ tư-bản rồi.

Thời kỳ tư bản là gì ?

Cái đặc điểm thứ nhất của thời kỳ tư bản là : *Sinh sản chung mà tài sản riêng*. Kết quả : là hạn người nghèo càng ngày càng nhiều, còn tài sản của xã-hội lần lần vào tay của một phần ít người đã độc chiếm những cơ quan sinh sản của xã hội. Gia đình nghèo càng ngày càng nhiều, chồng làm việc một mình không đủ nuôi vợ, nuôi con, vợ phải lo kiếm số làm đặng phụ vào cuộc xúi phi chung trong gia đình, hoặc con gái lớn phải đi ở dợ, làm

mướn cho mấy nhà giàu có. Vậy trong một gia quyến lo ăn sống như thế đàn bà có thể thực hành thuyết « tam tòng » được chăng ? « Cứu chết còn chưa được, còn thì giờ đâu mà sửa sang lễ nghĩa »

Ở vào thời kỳ công nghệ tư bản thì mấy triệu cái gia đình khi xưa an tĩnh trong một khuôn đất, một khoảng vườn kia, bây giờ phải vất vả ăn gỏi, sống nhờ chung quanh mấy cái xưởng dệt, mấy cái nhà máy xay, nào có nhớ tới « tam tòng », « tứ đức » là chi. Chồng rủi chết còn đi kiếm ăn, mình nếu không có số làm thì phải vất vả, nếu còn trẻ tuổi thì có « nhà số » chực đón rước mình.

Đặc điểm thứ nhì của Chế độ này là : cuộc phát đạt của cơ khí — Kết quả : không cần có sức lao động nhiều mới vô xưởng máy làm được. Trong các nhà máy người ta thường dùng nhơn công đàn bà và con nít cho rẻ tiền. Đàn bà nhờ máy móc thình bành nên cũng có thể dự vào cuộc sinh sản xã hội như đàn ông vậy.

Thế là người đàn-bà lao động ngày nay nhờ điều kiện sanh hoạt như là cuộc biến đổi cách sinh sản phẩm vật nó đem ra khỏi cái khảm « tam-tòng » đạo-đức của chế độ Phong-Kiến di truyền đến nay vậy.

Câu hỏi của P. N. T. V. còn có nghĩa chăng là chỉ về giai cấp hữu sản mà thôi.

Trong một gia đình hữu sản ; thường thường tài sản là của ông chồng, nhưng nếu ông chồng không có của thì luật pháp cũng cho lấy của vợ mà làm của chồng. Lúc nào ông chồng cũng làm chủ tài sản trong gia đình. Người vợ vẫn là một người đầy tớ hạng nhứt trong nhà đó thôi.

Còn con gái tòng Cha, có không nghề, không làm ra tiền tất phải sống nhờ nơi ông Cha. Đến khi cô có chồng cô phải sống nhờ ông chồng thì phải tòng chồng ; Chồng rủi chết để sự nghiệp lại cho con, để hương hỏa, thế thì bà phải tòng con mà sống. Đó là lẽ tất nhiên, trong mấy cái gia quyến tư bản nhứt là ở xứ này còn thêm thêm thêm di tích Phong-Kiến.

Còn bên Âu Tây, đàn bà tư bản đã kiếm thế tự giải phóng bằng cách ngoại tình bằng cuộc sinh hoạt riêng, như là xe ông, xe bà, bằng hữu của ông, bằng hữu của bà, nhà xet của ông, nhà xet của bà v.. v.. Vì họ là nhà tư bản nên không cần chi phải tham gia vào cuộc sinh sản xã hội mới ra khỏi vòng áp chế của gia đình.

Mấy nhà Chánh trị, mấy nhà viết báo xứ này

PHU NU TAN VAN

thấy vậy phát sợ cho vợ con nhà, nên đồng bè nhau phân kháng vấn-đề phụ nữ-cho là tối phong bại tục.

Mấy ông ấy lộn vấn đề Phụ nữ với vấn đề « vợ con nhà ». Vấn đề Phụ Nữ là một vấn-đề Xã Hội nên chúng tôi chỉ đứng vào phương diện xã hội mà khảo cứu nó.

Hiện nay, về giai cấp lao động, thuyết « Tam Tòng » không còn ăn thua vào đâu hết.

Còn về giai-cấp hữu sản, thì thuyết này cũng lần lần tiêu đổ. Vì là nó phát khởi ra nơi chỗ tài sản lần lần tập trung vào tay của một ít người. Mấy người này lại muốn có người nối nghiệp cho mình muốn để sự sản ấy lại cho con của mình, mà nếu muốn chắc rằng là con của mình thì phải chắc rằng người đàn bà của mình không có giao-tình với ai ngoài ra với mình. Thế bên Âu châu họ mới bày ra giây nịt đạo-đức (ceinture de chasteté), bên Á Đông lại bày ra thuyết tam tòng, cái khảm đạo đức để nhốt đàn bà vào đây. Có tư hữu, tài sản nên mới có « Tam tòng », tứ đức. Mà hiện tình nền tảng của chế độ tư hữu tài sản lần lần tiêu đổ thì « Tam tòng », tứ đức cũng lần lần tiêu tàn vậy.

H. V. P.

HOTEL CENTRAL



TRUNG CHÂU LỮ QUÁN

CANTHO

Téléphone N° 17

Nhà ngủ 'o nhứt và kiếm thời nhứt ở miền Hậu giang. Nước máy chạy trong các phòng. Nhà tiêu máy và nhà tắm riêng cho mỗi phòng hạng nhứt Cả 20 gian phòng, gian nào cũng đều mát-mẻ và rộng-rãi. Có nhà để xe hơi.

Văn uyển

Phong-cảnh Cap Varella

(Tuy-hóa Nhatrang)

Ở Phong-cảnh trên đèo đá lăm,
Hỡi anh em lắng lặng mà nghe.
Con đường ai đắp dài ghê,
Bức tranh càng ngấm có bề thanh thanh.
Giữa khoảng rộng rêu xanh núi đỏ,
Cảnh thần-tiên phải tỏ cho cùng.
Thấy non thêm mới lạ lung.
Rải ra lác-đác giữa vùng rừng xanh.
Trong bụi rậm lênh-đênh man-mác,
Lữn cây xanh cùng các sương-sa,
Đám rừng một cõi xa xa,
Ngồi trong xe điện nhìn ra đẹp hè !
Con Tao-hóa rành nghề xây đắp,
Cảnh vui vui tương mắt mà xem.
Kìa xa thấy mấy hòn lèn,
Trên ngành riu-rít bầy chim khua lời.
Nay ta đứng ở nơi đất khách,
Tiếng suối nghe róc-rách lưng đèo.
Càng trông phong-cảnh càng pều,
Trong lòng như đã có chiều thanh-thơi.
Trông thấy biển đưa gởi sóng biển,
Đã lâu nay mới biết lần đầu.
Giời kia xanh ngắt một màu,
Đường xa cửa bể chiếc tàu con con.
Giữa khoảng rộng mênh-mông trắng-phù,
Mấy hòn-lèn lả-đỏ trên không.
Núi non bán đảo từng chồng,
Toàn nghe tiếng sóng long-bong đánh vào.
Giữa bãi cát lao-xao chim hót,
Giò lung-lay gió lọt chào ta.
Nước xanh xanh biếc vào ra,
Cỏ cây nhỏ-như mây tỏa gấm thêu.
Ngắm cái cảnh cheo-leo mới rõ,
Biển giời kia thiệt chỗ êm-đềm.
Cảnh này là cảnh thần-tiên,
Bức tranh sao khéo tự-nhiên lạ đời.

Mộng-Diệp

NGUYỄN-KHẮC-CHUYẾT

NGUYÊN-UY CỦA ÁI-TÌNH

(Mày lời bàn với ông Lê-văn-Thơ)

Bên báo trước có đăng bài của ông Lê-văn-Thơ nói về ái-tình. Nay tiếp được của ông Đinh Trọng-Lê bài dưới đây, thương xác với ông Lê về nguyên-lý của ái-tình. Hai nhà đứng về hai phái khác nhau, bàn cãi, hoặc không gặp nhau, đó là chỗ riêng của hai nhà. Bên-báo không thiên về thuyết của ông Lê hay ông Đinh gì cả, nên cứ nguyên-văn đăng báo để mở đường tranh-biện.

BÊN-BÁO

Phụ nữ tân-văn số 251, trong bài :

« Ái-tình với nhân-loại và ái-tình với ngôn-ngữ văn-chương », ông Lê-văn-Thơ nói « Ái-tình ở nơi vật chất mà sanh ra » Chữ vật-chất mà ông dùng đó hơi kỳ nghĩa một chút. Song cứ lấy toàn-bài mà xét, thì chữ vật-chất ấy chỉ vì cái khoái-lạc trong sự đi lại của nam-nữ.

Nếu ái-tình chỉ có thể, thì nó là một cái thú trai-gái (plaisir sexuel), đâu có thể gọi được là ái-tình là một cái có lẫn cả cái yêu, cái thương.

Nếu ái-tình ở nơi vật-chất mà sanh ra, thì tại sao một cô con-gái béo-tốt, hồng-hào, ăn mặc đúng « một », ai cũng trầm-trở khen-ngợi là đẹp và mong-ước được với cô trong khi trăng thanh gió mát, đêm tình canh tàn, mà đối với riêng tôi, tôi lại đứng-dưng lạnh-đạm ? Trái lại, tại sao thấy một cô gái-quê chất-phác hiền-hậu, áo vải rỗng, khăn vuông mỏ quạ, thì tôi lại có cái cảm-giác ngây-ngất vì cô ?

Trái với ông tôi nói : « Ái-tình phát-sanh ra bởi cái duyên duyệt của trai-gái (charme sexuel) ».

Duyên duyệt là gì ? Theo sự chiêm-nghiệm của nhà nhân-diện-học (magnétiseur) mà nói thì duyên-duyet là một thứ tư-khí lưu-động-chất (fluide magnétique) ở trong con-người ta phát-xuất ra. Thứ tư-khí lưu-động chất này là những hiện tượng (agents) của sự dung chuyển hoạt-động của những tối-vi-diêm (atomes) chung-đúc nên các cơ thể người ta. Nó gồm có cả tính-nết, nhân-cách và sức-mạnh về sinh-lý, nói rút lại, nó là cái nguyên-lý sanh hoạt (principe vital) và nhờ sự vận động của tinh-vi-khí (éther), nó cũng có cái tánh chất giao thông với nhau, in-hệt như điện và đá nam-chấm nghĩa là : hai cái tư-khí hay là hai chí-cực (pôles) khác tên nhau thì hút nhau lại

mà cũng một tên thì tổng nhau ra (deux fluides ou deux pôles de nom contraire s'attirent ; deux fluides ou deux pôles de même nom se repoussent.)

Theo sự kinh-nghiệm của ông Hector Durville, một nhà nhân-diện-học mô-phạm lấy vật-lý-học làm căn-bản cho thuyết tư-khí, thì cái nguyên-lý sanh-hoạt ở người đàn-bà thì âm (négalif) nhiều hơn là dương (positif) mà trái lại, cái nguyên-lý sanh-hoạt ở người đàn-ông thì âm ít mà dương nhiều.

Bởi vậy cho nên cái nguyên-lý sanh-hoạt của hai người khác giống mà cùng ở trong một cái phạm-vi hoạt-động (champ d'action - champ magnétique) của nhau thì phù-hiệp và dung-hoà với nhau, rồi biến thành một cái thể quân-bình (équilibre) giữa hai người. Nguyên-ủy của ái-tình ở đó.

Những cặp vợ chồng ăn ở với nhau được hòa-thuận là hợp-duyên nhau : mà những cặp vợ chồng bất-hòa với nhau, tất là trái-duyên nhau, hay là vì hoàn-cảnh mà đã làm sai-lệch cái mực thường (aberration de la ligne normale).

Trong xã-hội loài người, thiết tưởng không thiếu gì những hiện-tượng nó làm tang chứng cho cái thuyết « Ái-tình phát-sanh ra bởi cái duyên duyệt của trai-gái » Những mối yêu, ghét tự-nhiên giữa hai người không hề quen biết nhau bao giờ, và những nỗi thương nhớ, băng-khuàng trong sự biệt-lý của vợ chồng và của những cặp nhân-tình, nếu muốn biết tại sao mà không băng cứ vào sự giao-thông của hai cái tư-khí lưu-động chất, thì tưởng không còn biết vịn vào đâu mà bện-bạch cho ra lẽ được.

Nhiều nhà tinh-thần-học (psychiste) cho rằng những hiện-tượng ấy (phénomène) đều gốc từ một

PHỤ NỮ TÂN VĂN

cái công lệ chưa khám-phá được ra manh mối và chưa xếp-dặt được thành thống-hệ đó thôi. Hai câu tư-tưởng : « Hữu duyên thiên-lý năng tương ngộ, vô duyên đối-diện bất tương phùng », và « Đồng-thanh tương-ứng, đồng khí tương-cầu » cũng là có cái ý-nghĩa như vậy.

Dựa vào những lý ở trên, tôi có thể nói rằng : sự giao-hợp của nam-nữ chỉ là một cái trong những cái phương-tiện của ái-tình nó làm cho cái nguyên-lý sanh-hoạt của hai người khác giống (cũng có khi hai người cùng một giống, tỷ nữa, tôi sẽ nói đến) được dung-hòa, bình-xửng mà thôi.

Nếu nói điều-kiện chánh nó phát-sanh ra ái-tình là vật-chất (chữ vật-chất theo cái nghĩa của ông Lê) thì chẳng là lấy phương-tiện (moyen) mà nhận làm làm cứu-cánh (fin) sao ?

Cái lý nó làm trụ-cốt nền-tảng cho cái thuyết : « Ái-tình ở nơi vật-chất mà sanh ra » nếu tôi không lầm, đều tóm-tắt trong câu : « Lại xét thêm một chút nữa coi khi mình muốn được gần người ấy để thưởng-thức cái hay và cùng người ấy ăn-ai vẫn-vượng như vậy, mà nếu ai các-cơ nói rõ cho mình biết rằng, người ấy phong thể xấu-xa hèn-hạ mà nhứt là thiếu cái vật làm cho khoái-lạc vật-chất (như người bóng) thì mình có ra người cut hứng hay không ? »

Phong-thể xấu-xa hèn-hạ thì có, chứ thiếu mất cái vật làm cho khoái-lạc vật-chất thì tôi chưa thấy và cũng chưa nghe thấy ai nói bao giờ. Hoặc giả cũng có những sự tương-tự như vậy, ấy là những người « ái nam ái nữ ». Mà ở những người này, thì cái cơ quan nó làm cho khoái-lạc vật-chất kỳ-dị đó thôi, chứ có thiếu mất hẳn đâu ! Và về ái-tình thì theo lời nhiều người có kinh nghiệm nói với tôi, những hạng người « nửa đàn ông, nửa đàn bà » này tuyệt-nhiên không có, họ chỉ thích làm « đồng có đồng cày » mà thôi. Xem đó thì câu hỏi các-cơ của ông chỉ nằm trong vòng tưởng-tượng, và không có thể thành lập được.

Ông Lê có đem những sự thành lập vợ chồng ở những xứ mán-mọi và ở thôn-quê ta mà làm bằng chứng cho cái thuyết « vật-chất » của ông. Nhưng theo tôi thấy, ông vô đoan quá. Trừ những đám vợ chồng vì phong-tục và luân-lý bắt-buộc mà thành, tôi thấy trai gái ở thôn-quê ta và cả ở những xứ mán-mọi nữa, trước khi bước vào tình chăn-gối, họ cũng có ái-tình với nhau cả, chứ không

phải « người nào cũng đàn-ông là được » như ông tưởng đâu.

Cái ái-tình của những hạng trai gái này, chúng ta thường được thưởng thức trong những câu hát cạnh mái chèo, bên suối nước, dưới ruộng lúa và quanh sườn núi.

Trở lên là tôi đem những cái sở đắc dị-đồng về nguyên-ủy của ái-tình mà thương-xác cùng ông Lê ; dưới đây, tôi tưởng nên nói qua về cái tình giữa hai người một giống mà ông cho rằng nó có thể thế cho cái tình giữa hai người khác giống.

Theo tôi và là theo ý của nhiều người thì cái tình giữa hai người cùng một giống là một bệnh về thần kinh (hystérie) đâu có phải là cái tình như ông đã tưởng lầm. Bệnh này nguy-hiểm lắm và còn có lắm cái hiện chứng trên sự tưởng-tượng của người ta, nói ra thì dài, xin độc-giả cho phép tôi nói đến trong một dịp khác.

Đinh-trọng-Lê

NÊN CẦN DẶN NGƯỜI TRONG NHÀ CẦU NÀY :

Đau chớ nên uống thử thuốc lạ.

Hãy uống thuốc có danh mà thôi.

Còn nếu không chắc thuốc hay, đau thả
đừng uống thuốc

Vô-dinh-Dẫn Đại-dược-phòng

(SÁNG LẬP NĂM 1921)

323, Rue des Marins — Cholon

Phân-cuộc : 118, Rue d'Espagne, Saigon

TRANG ĐIỂM BỘ RĂNG

Răng trắng là bởi phần nhồi.
Răng đen là bởi cặp nôi mới đen.

Nói về sự ưa trang-diềm thì từ xưa đến nay, từ đông sang tây, từ người văn minh cho chí kẻ dã-man, ai ai cũng không thoát khỏi cái thiên-tính ấy, chỉ có một điều là phong tục mỗi xứ mỗi khác, thì sự trang-diềm cũng mỗi nơi mỗi dị-dồng. Mà làm dáng ra ngoài mặt, ngoài quần áo thì là một sự thường thấy chẳng nói làm chi, đến như bộ răng là một bộ phận nằm luôn trong miệng mà có nhiều dân tộc cũng đua nhau làm dáng cho nó, thì chẳng phải là một câu chuyện kỳ thú lắm sao? Nhưng bộ răng chính là một vai cữ động của cái cười, mà cái cười là sự đại-biểu cho sự lạc-quan, cho đầy tình-ái thì ai lại chẳng trang-diềm một tý cho nó:

Ngó lên lỗ miệng em cười.

Trong tay anh có lượng vàng mười anh cũng trao.

Song trang-diềm gì mà hai hàm răng của tạo-hóa phủ cho trắng trẻo, cái nhọn, cái bẹp phân minh lại mài cho nhọn thêm, hoặc cả cho cụt đi, cả cho như răng cào, răng nĩa, uốn chỗ chìa hẳn ra ngoài, hay hoặc đem những chất đen, chất đỏ mà nhuộm vào, dùng những kim khí, xa-cừ mà khảm vào, ấy mới thiệt là lạ tai mới mắt.

Nhân đọc báo và sách, thấy có ít quyền nói chuyện về sự trang-diềm ấy, xin thuật sơ-lược ra đây để cống hiến các bạn độc-giả một món quà mới-mẽ.

Mài cho nhọn răng có lẽ là một cái tục được thịnh hành hơn các tục dã-man khác, vì hầu hết những dân tộc ở châu Phi và một vài thổ dân châu Mỹ đều có những cái răng nhọn hoắt. Họ thường mài nhọn bốn cái răng nanh ở hai bên, là thành sáu cái. Nhưng có nhiều nơi lại mài luôn cả bốn cái

MÀI NHỌN RĂNG
CÀ CHIA ĐÔI RĂNG, CÀ
CỤT RĂNG, UỐN CHỖ CHIA RĂNG
KHẼM RĂNG, TRỒNG RĂNG,
NHUỘM RĂNG, ĐỀ RĂNG TRẮNG

cửa hàm dưới, thành thử mỗi lần mở miệng mười hai cái răng nhọn lâu không khác gì răng cạp. Những khi-cụ họ dùng để mài hoặc bằng đá cứng, hoặc bằng thạch-ảnh (quartz), hoặc bằng cát tằm nước, hoặc lại bằng thỏi sắt nhỏ, như ở Soudan (châu Phi) mỗi lần ai muốn mài phải ra lò thợ rèn. Người thợ bắt kẻ ấy nằm ngửa rồi dùng hai thỏi sắt nhỏ, một thỏi kẻ phía dưới làm đe, một thỏi kẻ đi cả lại làm dũa.

Thời-kỳ mài răng thường là vào tuổi cập kê, hay có nơi lại mài vào lúc kết-hôn, như ở xứ Sierra-Léonne, (châu Phi) hai vợ chồng mới đều phải nằm xuống cho ông thầy pháp mài nhọn, trước khi được ông ta làm phép cưới cho.

Tục này nguyên-lai thuộc xưa người da đen và người da đỏ còn dã-man có thói ăn thịt người lấy bộ răng nhọn làm biểu-hiệu riêng của bộ-lạc mình. Rồi sau tôn-giáo cũng công-nhận bắt buộc kẻ tín đồ phải mài nhọn răng. Những pho tượng các vị thần đời xưa ở bên châu Phi, đều có tác những bộ răng nhọn. Dần dần cho đó là một cái mỹ-tục, kẻ thì muốn được răng nhọn cho đẹp như bộ răng loài thú dữ, người thì ưng khéo như răng con chuột. Có kẻ lại nói rằng mài nhọn như vậy, dựng cho giống bộ răng con cá mập. Thổ-dân châu Mỹ ở bán đảo Yucatan (Mexique) lúc trước cũng theo tục mài nhọn bộ răng để cho được in hết bộ răng loài cá « răng-cưa » (poissons scies) vì răng loài cá này theo ý họ là rất đẹp. Nhà khảo-cứu cho rằng tục mài nhọn răng này xuất hiện từ bên châu Mỹ trước, vì theo những bộ xương người đời thượng cổ đã thấy có răng mài nhọn rồi.

Cà chia đôi răng nghĩa là cà môn ở chính giữa răng, từ dưới đi lên tới gần sát chân răng cho thành hai cái nhọn hoắt, tương tự như một cái nĩa hay cái cào mà có hai răng vậy.

PHU NU TAN VAN

Cái dị-tục này cũng lại thấy xuất-hiện ở bên châu Phi như ở xứ Ai-cập, Congo, Tanganyika v. v. Con trai con gái đều cả vào tuổi cập kê vừa là dốc lòng tin theo tôn-giáo, vừa là trang-diềm cho nó thêm duyên. Mà đàn anh xứ họ bắt buộc dữ lắm, kẻ nào không chịu cả, đều coi là ngoại-nhân, không được nhận vào bộ-lạc nữa. Luật họ định như vậy rồi, nên đâu đâu mấy mươi cũng phải chịu cho khỏi bị bất hủi bợ-vợ. Tục này không biết nguyên-nhân tại sao, nhưng cứ dò xét phong tục của họ thì không phải là không có cơ. Vốn họ có thói quen nhổ nước miếng hay là khạc đờm vào mặt một người nào tức là tỏ dấu kính trọng và thương yêu người ấy. Vả cùng nên chỉ họ mới nghĩ ra kiểu cà răng này, dựng làm cửa cho nước miếng bắn mạnh ra. Bởi vậy cho nên có một vài bộ-lạc không cả như kiểu trên mà là cả vào giữa kẹp hai cái răng cửa hàm trên để cho thành một chỗ hở, hình tam-giác cũng là do cái công-dụng ấy vậy.

Có một vài dân tộc trang-diềm bộ răng không mài cho nhọn, không cả chia đôi ra mà lại cả cho cụt ngắn đi, hoặc sát đến chân răng, hoặc xột nửa răng. Cái tên một bộ-lạc Mọi ở Trung-Kỳ mà ta thường nghe nói là « Mọi Cà Răng Cứng Tai » ấy là họ cả theo kiểu này vậy.

Răng họ cả có khi chỉ 4, 6 cái ở giữa hàm trên, hoặc ở hàm dưới, có khi luôn cả hàm hoặc một phần hàm, nhưng số này lại là rất ít.

Người Mọi ở miền nam Trung-Kỳ (Bộ-lạc Bahnar, Djarai, Radé), người Má-lai ở Nậm-duong quần-đảo, Mọi Papou ở Châu-Úc, một vài bộ lạc ở xứ Bassaa-Guinée, Moyen-Congo (châu Phi) và ở Ấn-Độ v.v. đều cả cụt răng từ lúc còn nhỏ độ mười tuổi sắp lên. Họ dùng đá hoặc dao, bắt kẻ bị cả năm ngửa, rồi cửa đi cửa lại cho mòn. Tuy đau đớn và nhức nhối vô cùng, nhưng phong tục và lễ giáo bắt buộc như vậy không theo không được. Nếu để hai hàm răng trắng thườn-thợt như hai

dây sáo (Người Mọi Bahnar chê kẻ không cả răng giống như hai dây sáo họ nằm trong miệng) ắt sẽ bị xã-hội chê cười và khinh-thị.

Thổ-dân ở đảo Nias bề con trai trèo được cây dừa và con gái đi, múc được nước là bắt cả răng. Sau khi cả rồi lại mê-tin không dám cho lũ trẻ ăn thịt đầu heo, sợ rằng sau này đầu của chúng sẽ lớn lên không thuốc gì chữa khỏi được.

Một vị tướng nước Pháp tên là Faidherbe là người đã chiếm cứ được xứ Sénégal bên châu Phi làm thuộc-địa cho nước Pháp năm 1872, có lược-lãm trong cuốn sách của ông, cái tục uốn chia răng của thổ-dân ở đó. Về kiểu trang-diềm này thì họ cổ lam sao cho mấy cái răng cửa chìa hẳn ra ngoài, càng ra bao nhiêu càng đẹp bấy nhiêu. Công việc uốn chia răng phải làm từ từ, trải trót tháng, trót năm mới có hiệu quả.

Lúc còn nhỏ tuổi nghĩa là lúc răng sữa đã rụng và răng cái bắt đầu mọc, con trẻ phải bằng ngày dùng ngón tay hay cái lưỡi mà đẩy mấy cái răng cửa dằng trước ra ngoài. Chết răng còn non-nớt dần dần tự biến hình. Rồi những răng cửa ở dưới cũng theo răng ở trên mà dơ ra luôn, thành thử cái miệng bấy giờ dôi lam cái mồm.

Chẳng những ở một xứ Sénégal mà một vài bộ lạc Massai (châu Phi) cũng có tục uốn chia răng, song họ lại có một phương-pháp khác, là kẻ khi con trẻ bắt đầu mọc răng cái, ngày, ngày họ luôn vào trung răng một sợi giây da bò, rồi năm hai tuổi ở ngoài mà kéo đi kéo lại, như cách bắt lỏi ra. Răng còn yếu ớt giây da lại cứng rắn, nên rất dễ đổi hình.

Một vài bộ lạc Mọi ở Congo (châu Phi) lại dùng một thứ que nhỏ bằng gỗ luôn vào giữa kẹp răng mà đẩy đi đẩy lại, cho hai cái răng cửa lia nhau mà chia xiên ra. Họ cho như vậy lại là khéo hơn nữa. Có nhà du-lịch nọ kể chuyện một ông vua ở xứ

Pensionnat "HUYNH-KHƯƠNG-NINH"

61 Rue d'Ariès Saigon

Day đủ các lớp, từ

Cours Enfantin cho đến 4^e Année

PHÒNG TRỒNG RĂNG

Bác-sĩ NGUYỄN-VĂN-KIỆU

Y KHOA TÂN SI

Chuyên trị bệnh răng, hàm và miệng

Giấy thép nói : 8.98

119 Boulevard Bonnard

SAIGON

(gần nhà thương thí)

PHU NU TAN VAN

Kiaba (châu Phi) có hai cái răng cửa hàm trên chia hẳn ra ngoài, mà trời cho lại dài gấp đôi các cái răng kia, nên mỗi lần ngậm miệng lại, hai cái răng ấy vẫn lòi ra như hai cái nanh nhỏ. Được vậy, ông vua kia lấy làm tự đắc, vì mình có hai cái răng khác thiên-hạ.

Dân tộc ở các nước như Mã-Lai, Nhật-Bản, Mỹ-Châu thường có cái tục khâm răng. Họ khâm bằng vàng, bằng kim-cương hay bằng xa-cừ. Theo phong tục thổ-dân Mỹ-Châu và Mã-Lai thì họ cho khâm kim-cương vào răng, là có ý muốn tỏ cho thiên-hạ biết sự giàu có của mình. Còn người Nhật-Bản thì lại khác, cho làm như vậy là để tỏ dấu hiệu người tàn-tiên văn-minh.

Ma lối khâm răng này xuất-hiện ra trước có lẽ là người thổ-dân da đỏ bên châu Mỹ vì những sơ đồ người dơi thượng-cổ đào được ở Mexique, Equateur, trung Mỹ-Châu đều có những bộ răng khâm bằng vàng, bằng ngọc-thạch, bằng đất đỏ cùng la các chất lạ khác. Theo lời những nhà khảo cổ tại những khi-cụ dùng về việc này đều bằng một thứ thạch-âm rất cứng. Cách khâm thì họ thường dùng từng lỗ vào răng, rồi lấy vàng hay kim-cương

mà nhét vào cho chặt. Tục này nguyên là một lẽ trong lẽ tang, hề có người bà con thân thích chết thì họ thường dùng lỗ vào răng mình nhét một vật gì để tỏ lòng thương tiếc. Sau dần-dần cho là một cái mỹ-tục, không khác gì các lối trên.

Các lối trang-diêm kỳ-khởi kể trên, ta coi đó cũng đủ biểu là họ tự hủy hoại bộ răng của họ vậy. Thế mà có một điều đáng lấy làm lạ hơn nữa là bộ răng của họ tuy bị mài mòn, cá cụt v.v. nhưng vẫn xài được lâu mà ít khi bị sâu ăn hay bị gãy. Ông David Livigstone là một nhà truyền-giáo lại vừa là một nhà du-lịch người Anh, năm 1849 đi thám-hiểm các miền ở Trung bộ châu Phi có nói một đoạn về việc này:

« Lạ thay! Họ cả họ mài như vậy, mà vẫn không lúc nào sinh ra những bệnh đau răng như ở chúng ta, hề cần vật gì mạnh, thì thường bị gãy răng ngay. Thật vậy! Bộ răng của người bản xứ nó chắc chắn hơn của chúng ta nhiều lắm khi xài mòn đến sát chân răng rồi, mà vẫn không lộ ra một dấu gì là sâu ăn răng cả... »

Cứ đó mà suy thì răng người văn-minh hay sâu

PHU NU TAN VAN

hay gãy có lẽ vì chúng ta ăn những vật mềm mai quen miệng đi rồi, cho nên bộ răng không phải làm vật gì nặng nhọc cho lắm, nên đó mà dễ gãy và con sâu dễ đục khoét. Trái lại, răng họ, họ hằng cần nhai những đồ ăn cứng cát, thô bỉ, nên chỉ hóa mạnh mẽ, bền lâu.

Nhưng đến chừng răng mòn hoặc rụng, các dân tộc đời xưa cũng biết cách trồng răng gỗ để thay vào những răng đã mất. Lối này xuất hiện ở những dân da đỏ châu Mỹ và dân da đen châu Phi đã hằng mấy thế-kỷ rồi. Cách trồng đại khái họ làm một vành bán nguyệt, có những răng bằng gỗ cứng vót sẵn, rồi cặp cả vành vào chân răng ở chỗ đã mòn. Cặp lơ lửng như vậy chờ không có đánh lú gì hết. Chừng nào cần vật gì cứng mới đem ra dùng, xong cũng không được tiện lợi cho lắm.

Tục nh om răng chính là một cái tục thường dùng của người Việt-Nam. Tuy hiện nay một phần đông người đã bỏ theo răng trắng nhưng vẫn đương còn thịnh hành ở chốn thôn-quê mà nhất là chị em chúng ta. Người mình cũng ăn trầu nên răng thường lem luốc và lại lúc trước chưa biết dùng cách gì đánh răng, bởi vậy có lẽ mới sinh ra cách nhuộm cho răng được đen huyền để che những cái nhớp nhúa nó bám chặt ngoài răng. Dân dần thành quen cho sự nhuộm răng là một cái tục bay

mà rải lại chế nhạo người để răng trắng là như răng loài thú vật. Kẽ nào có hai hàm răng đen lằng nhằng như hột măng cầu thì ai được đất chổng, đất vợ lại còn được người ta mê mình là khác nữa. Xem câu ca dao như:

Mình về có nhớ ta chăng?
Ta về ta nhớ hàm răng mình cười.
Năm quan mua lấy miệng cười:
Mười quan chẳng tiếc, tiếc người răng đen.
Cái răng đen ai khéo nhuộm cho mình?
Đề duyên mình đẹp, cho tình anh yêu...

thì dù biết bộ răng đen, đối với người mình nó phụ-lực cho cái cười đẹp biết là dường nào, chẳng trách anh trai kia chết mê chết mệt được là phải.

Dân Mọi ở miền nam xứ Trung-Kỳ, sau khi có răng xong cũng có một thứ thuốc nhuộm, lấy ở trong một thứ cây gọi là cây Ponhek, để vừa bôi cho khỏi đau răng, vừa đen lằng đẹp.

Một vài hòn đảo ở châu Úc cũng là một đôi miền duyên-hải Thái-bình-dương và Ấn-độ-dương có một ít dân-tộc cũng nhuộm răng như: Mã-Lai, Papou, thổ-dân ở Polynésie, dân Ấn-Độ ở vịnh Bengale. Sự nhuộm này họ lại cho là một lẽ cần phải có trong lễ cưới.

Dân châu Phi ở Madagascar cũng có tục nhuộm răng nhưng lại có chưa ít chỗ không nhuộm, ngó thành

PILULES DE SANTÉ

Mỗi ống 10 huôn

Giá bán 0\$20

Phải trị chứng bốn uất bằng thuốc huết trường

« Đường lực huôn » nhân hiệu

« Sùng thần công » mới khỏi các chứng hơi thở hôi hám, thân tã một nhọc, nhức đầu, hay buồn mửa, (nôn), mặt nhợt, nặng bụng v. v. ...

Nam phụ lão ấu đều dùng động thuốc này. Nài cho động nhân hiệu « Sùng thần công »



HỌC CẨM BÁNH XE HƠI

MAU GIỎI - THI MAU
GIÁ RẺ HƠN CÁC NƠI

TRƯỜNG XE HƠI

95bis, Rue Lagrandière - SAIGON

TRỊNH-HÙNG-NGÀU
Chủ trường lãnh dạy

« TRƯỜNG CỦA TRỊNH - HÙNG - NGÀU
TỐT VÀ DẠY GIỎI HƠN HẾT » LỜI
KHAI CỦA ÔNG CHÍNH SỞ XÉT
XE NƠI TỌA

Học - trò lục - tinh có nơi ăn ở tại trường

Dr TRẦN VĂN ĐỐC

Chuyên trị bệnh con nít

31, Rue Tabert

Góc đường Tabert và Aviateur Garros

— SAIGON —

DOCTEUR LÊ VĂN HUẾ

Lauréat de la Faculté de Médecine de Paris
Sérologiste spécialiste diplômé de Paris
Ancien élève des Instituts Pasteur de Paris et de Bruxelles

Ex-assistant à l'Institut Central Alfred Fournier de la Ligue Nationale Française contre le Péri Vénérien de Paris

Expérience in London Hospitals de 8 h à 12 h et 3 h à 7 h

133 đường Lagrandière Saigon

có phòng giáo nghiệm thử máu, thử đàm, phân nước tiểu etc...; chuyên trị các bệnh đau huyết và phong-tinh

Dầu Hạng-thức-Liêng

Ve lớn ...	0\$18	Một lĩ ...	1\$60
Ve nhỏ ...	0\$08	Một lĩ ...	0\$80

Xin do tại nhà ông ở số 288
đường Lagrandière Saigon

Chị em Nam-Việt,
Anh em Nam-Việt,
nên dùng hàng Việt-Nam bán tại:

NAM-HÒA TRUNG-KỲ

47, đường Paul Bert - HUẾ

Kiểu mẫu mới do các nhà mỹ-thuật chế ra, thợ Annam làm ra rất tinh xảo

Có trữ bán tại Saigon:

Maison NGUYỄN - VĂN - TRẦN

94, 96 Boulevard Bonnard.
và nhiều nhà khác nữa

những hình vuông, tròn ngang, dọc, trắng-trắng rất ngộ. Theo lời ông Baneroff, thì những thổ-dân đời xưa ở trung Mỹ-Châu và nam Mỹ-Châu cũng theo tục này, họ lại cười người Âu-châu để răng trắng là dã man và dùng bàn chải bằng lông loài vật mà đánh răng là bất-khiết.

Nhân lên là lối nhuộm răng đen, ngoài ra lại có nhiều dân tộc lại nhuộm răng đỏ như dân châu Phi ở rải rác những miền Nigeria, Maroc, Haoussas, phía tây hồ Tchad và ít nhiều bộ lạc ở Ấn-độ. Lối nhuộm này họ lấy những chất trong một thứ quả gọi là quả Kola mà bôi vào răng. Quả này là một vị thuốc mà dân bản xứ rất ưa dùng. Dân Ấn-độ, ở bán đảo Kiavatar cho màu đỏ, nhuộm răng là một màu mà các vị thần ưa hơn hết. Cũng vì vậy, hai vợ chồng trước ngày cưới, phải nhuộm răng cho đỏ dặng để cho được các vị thần yêu đương.

Hiện nay người trên thế-giới đã dần dần bỏ các lối trang-diêm cổ-lỗ, dã-man mà đều bắt chước cái tục để răng trắng của người Âu-Tây lại cho là sạch sẽ có duyên và ra dáng văn minh hơn. Nói tới chuyện bỏ răng đen theo răng trắng, sự nhớ tới lịch-sự ông Đoàn-Tuân, là người đã từng cách-mạng trước hết. Ông người làng Kim-Nại, phủ Quảng-Ninh, tỉnh Quảng-Bình sinh vào đời Minh-Mạng người ta thường gọi là Khôa Tuân là một người mở miệng thành thơ văn chương đều là khẩu khí để vương cả. Thấy thiên-hạ nhuộm đen răng ông cho là ngu dại, bèn tự để răng trắng, lấy hiệu là Bạch-Xi và cổ-dộng người theo, song không mấy ai nghe lại cho ông là điên nữa.

Đến bây giờ hàm răng đen, kẻ đã nhuộm ở cũng mau mau kiểm cách cạo đi, sao cho được hàm răng sáng ngời, để cho khỏi mang tiếng là người hủ lậu, vậy cũng nên nhớ tới chuyện của ông Đoàn-Tuân.

BÌNH-ÁN

Gia Chánh



NHỮNG MÓN ĂN NGON VÀ RẺ TIỀN

Gặp buổi nguy-nan, đồng tiền eo-hẹp, tưởng chi em cần phải tiết-kiệm, nên tôi xin hiến cho chị em một vài món ăn lạ, mà rẻ tiền.

Omelette au plat

Làm cho 7, 8 người ăn.

Cần phải có:

6 cái trứng gà

40 gr. bơ

1 nắm riềng, rau cần, ngò, 2, 3 lá thơm.

1 mùi tỏi

45 gr. ruột bánh mì

1 lít nhỏ sữa

tiêu muối.

Cách làm:

1. — Trong cái soon đã để lên lò, bỏ ruột bánh mì và đồ sữa vào đánh cho nhỏ. Bỏ muối tiêu vào.
 2. — xắt rau và tỏi.
 3. — bỏ bơ trong cái soon khác mà chiên rau cần, riềng v. v... độ 2 ba phút
 4. — bỏ rau chiên rồi vào ruột bánh mì đánh sữa
 5. — Đánh trứng như thể làm omelette thường rồi đổ trộn với soon trên.
 6. — Lấy bơ tráng một cái plat sâu rồi đổ đồ trộn trong soon trên vào plat.
 7. — Chưng cách thủy độ 15 đến 20 phút
 8. — Dọn luôn cả plat ra mà ăn.
- Muốn đồ thêm sauce tomate vào cũng được nữa.

Minh - Sơn

Minh-Sơn là một hiệu buôn mới lập ở số 52 phố Jules-Ferry Hanoi.

Hiệu này có lãnh bán giúp các thứ hàng nội hóa cho các nhà chế tạo khắp ba kỳ.

Nơi đáng tin cậy, ai có hàng muốn gửi xin đến nơi nhà:

Minh-Sơn

Importation - Exportation - Représentation

52 - Rue Jules Ferry-52

HANOI

LÃNH ĐỜI NAY

Lãnh ĐỜI NAY ra đời mới. có một tháng mà động đồng báo hoan nghênh giá rẻ mà lại tốt. Có nhiều người muốn lợi dụng hiệu lãnh ĐỜI NAY, nên mạo danh tống lãnh ĐỜI NAY đem thứ lãnh khác xấu hơn, bèn dọa và trở nên bán rẻ THỨ LÃNH ĐỜI NAY THIẾT, THÌ CÓ ĐỒNG CON DẤU VUÔN « LÃNH ĐỜI NAY » NGUYỄN-VĂN-TRẦN ĐẠI-LÝ

Giá bán chắc 1\$60 một quần

Bà và anh giá riêng, xin chờ lâu

MÀU XÂM HAY LÀ CHẾT GIẢ ?

Syncope là sự mất thính linh lâu hay là mau, ít hay là trọn sự khôn, sự đau-đớn hay là sự động địa của thần thể của mình. — Trong lúc đó sự thở và mạch máu ngưng lại hay là chạy yếu lắm; nên vậy người ta gọi là máu xâm hay là chết giả nghĩa là người nào bị đau như vậy té xuống coi như người chết.

Máu xâm, mau và ít, tiếng langsa gọi là lypothymie, détail-lance. — Thính linh con người lấy làm khó chịu trong mình, tối tăm mảy mảy, chóng mặt lòng bùng nổ tai, buồn mửa, gương-mặt xanh, đứng xây bờ bờ và tưởng mình đi xui đời rồi té nằm xuống; mặt mày, con mắt, môi, miệng đều đổi sắc.

Lúc đó thời như hột hơi và mạch máu chạy yếu lắm, đếm không được vì nhỏ lắm.

Té xuống nằm một chập chừng năm phút đồng hồ, sự sống coi như trở lại: thở mạnh-mạnh và đều lại, trái tim đánh mạnh và mạch máu nhảy đều và mạnh; người bệnh còn biết và nhớ lúc đau trước.

Còn Syncope thiệt lại nặng hơn nữa: sự chết giả lâu hơn, tay chơn chỉ đều xui lơ, đồ lên hồ xuống như tay chơn người chết rồi, cứng đơ; cái đầu điệu oặt và lại ngã co xuống dưới ngực, thân thể mình cũng như cục đá, Véo ngắt, chọc lét, đâm chít chít, cũng không cục cựa và dấy dụa chi cả.

Con mắt thì khờ, tay rờ vào nó cũng không nháy nhúa chi hết, con người trong con mắt nở lớn đại, cái miệng thì ngậm

lại, hai hàm răng khít rít. Người bệnh lâu lâu thở ra một cái và rên một hai lần rồi hết thở; — mạch lạc chỉ cũng không có hết. — Đặt tay vào ngực còn nghe tiếng trái tim nhè nhè hay là hết nghe — Như chết giả vậy mà trong năm mươi phút đồng hồ không sống trở lại có lẽ phải sợ chết luôn.

Cũng có một hai khi con người làm như ngủ luôn luôn năm mười ngày cùng một hai tuần, tưởng chết mà còn sống sự này gọi là léthargie.

Sự chết giả thường thường hay có nơi mấy người đau ở trái tim mấy người đau nơi mạch máu; Trong bệnh đau phổi cũng hay có Syncope, nhất là trong bệnh pleurésie — có nước, máu hay mủ, ở trong là mống bọc xung quanh phổi — trong bệnh pleurésie, hoặc tại có nước nhiều, làm cho mạch máu lớn nơi tim bị xô lấn, máu chạy khó nên bị Syncope; — hoặc trong lúc hít lấy nước ra mau quá... khi trong mình bị thương tích mất máu nhiều quá cũng bị Syncope, hay là mất máu ít mà mất nhiều lần cũng vậy.

Mấy người đau lâu, ốm yếu lắm, đau mới mạnh cũng hay bị máu xâm nữa.

Mấy người bị ẩu tả, đi sòng nước nhiều quá và nhiều lần quá cũng vậy.

Bị trời nắng quá, mán động lại nhiều nơi óc, cũng có thể mà bị Syncope.

Còn có hai điều nữa hay làm ra máu xâm, nhất là điều sợ, nhĩ là cái sự đau thính-linh. —

Chẳng phải có nhiều người đàn bà con gái sợ, hết hồn, kinh hải mà bị máu xâm; đặc-ông, con trai mạnh dạn cũng có người như thế. — Có người nghe tin buồn rầu, thính-linh thấy rần rít, thú dữ tợn, chuột cóc; có người nghe thuật chuyện mồ xé, ngó thấy máu mỡ, có người trai tráng trong lúc trông trái mà cũng bị sợ, có máu xâm. — Như ta khi mới học thuốc, bữa đầu đi lại nhà mồ thấy ông thầy mỗ có máu ra nhiều, ta thấy liền chống mặt xiêu té xuống, làm anh em phải khiêng ra chỗ khác mới tỉnh lại.

— Sự giận hờn, nóng nảy, nhút nhát đàn bà cũng hay làm ra máu xâm; song một hai khi cũng có người dả dờ làm cho người thân quyến sợ kinh-hải. — Sự đau thính linh; sự té, ngã, đụng chạm, nhút nhát trong mấy lúc nguy-hiểm, nhà sắp xe đụng, cháy nhà, đánh lộn, đánh lạo, đau mà lại sợ; như lúc chít thuốc đau, mỗ nhột, mảy khiêu khi có thương tích.

Mấy sự đụng chạm nơi bụng, té nằm sắp nhảm đồ cứng, bị thoi đánh vô bụng, cùng mấy chỗ ngặt nghèo: Trứng dái, nơi vú, — thường hay có Syncope. — Cũng có nhiều người bị đau bao tử thính linh, người đau bụng gần có đường kinh, đau nơi gan, nơi cật hay là nơi ruột. Có người mới ăn no, bị ở chỗ đông đảo, như trong rạp hát... Bị nóng nực và bị hơi người ta đóng khó thở cũng hay bị máu xâm.

Vậy chớ Syncope nặng hay nhẹ? — Nhiều người sợ sệt, nhát

nhích, bị sợ mà có máu xám, chẳng nặng và bỏ qua cũng hết — Có khi cũng nhờ Syncope mà khỏi chết, song sự cứu giúp phải cho lẹ; Mấy người bị thương tích nặng nhờ chết giặc, máu ngừng lại chảy ra không được, nên mất máu ít, khỏi chết.

Mấy người té xuống nước, lúc mới đến mặt nước, chết giả, không thở, nên nước vô bao tử và vô phổi không được, như vật liền lên thì cứu khỏi mau.

Còn mấy người đau trong óc, trong trái tim, trong phổi, bị Syncope có nhiều khi phải chết luôn, khi nào Syncope mà lâu hết thì sợ e cứu không khỏi.

Vậy khi trong nhà, trong xóm láng giềng có một người bị máu xám chết giả thì phải làm sao? — Trước hết dùng lúp-chup, và phải làm cho mau. — Để người bệnh nằm ngửa xuống, cái đầu thấp, đừng để gối, thấp hơn thân mình để cho máu chảy lên óc cho dễ. Phải mở áo, lưng quần, iếm cùng dây nịt, dây chằng nịt chi khác. — Mở cửa ra cho mát mẻ, đuổi đùng cho thiên hạ tụt lại đóng chung quanh nức-nội, khí trời vô không phi.

Lấy một cái khăn, nhúng nước lạnh để ướt vậy, rồi đắp hai bên gò má và trên mặt người bệnh, đắp cho đến người bệnh thức lên và nhắm nhẹ con mắt, mở con mắt ra. — Như có thì cho hít, nghĩa là để dưới lỗ mũi của người đau, thuốc ammoniacque, éther hay là acide acétique; — cho hít hồng nhị ý, lông náo, dầu menthe...

Lấy rượu chổi, eau de cologne, dầu xăng mà đánh trong mình, chỗ ngực tay chơn, đánh cho mạnh dạn và cho lâu. Khi tỉnh lại cho uống một chút nước trà với rượu rhum, rượu cognac, dầu menthe, nước rau húng cây.

Song cho uống cũng phải chờ khi người bệnh nuốt được mới cho uống, bằng lúc không ực

CHUYỆN VUI

Hò hẹn với nhau...

Người ta bắt được trong một thành-dịa trong đồng, về xứ Provence, hai bức thơ hò-hẹn, trên hai tấm mô-bia.

Một mô-bia có khắc mấy chữ này:

« Ở đây ngồi nghỉ
thân hải Céline X., 24 tuổi,
vợ của Alfred C... »

Phu-quân gầy gù, cõi hư-không
mà chẳng có chồng
là một địa ngục.
Em đợi chàng
8 mai 1879 »



Một mô-bia khác ở khít bên, lại có mấy hàng:

« Ở đây ngồi nghỉ
thân hải Alfred C...
Rày Anh đã theo em đây
22 mai 1928 »

Chung tình này có chung tình nào hơn!

được, đồ vô thì có lẽ làm cho người ta ngộp hơi thêm hại nữa.

Phải chạy kêu quan thầy; trong lúc đó như người bệnh không thở phải lấy dũa bếp xeo hai cái hàm răng ra, rồi lấy cái khăn mà bắt cái chót lưỡi, kéo lưỡi ra cho hết rồi thụt nó vô, rồi kéo ra thục vô, làm chậm chậm, chừng hai chục lần trong một phút đồng hồ. — Đừng buồn trí phải làm như vậy cho lâu. Còn cách làm cho thở, respiration artificielle, cũng hay.

Thuốc men thì có quan thầy, tùy theo bệnh đau mà ra máu xám.

Dr TRẦN-VĂN-ĐÓN

Vật tốc bất đạt

Ông chủ nhà hàng lớn kia hay ghét tánh thung dung của người giúp việc. Một hôm, ông ta đi xem xét mọi nơi, đến chỗ người ta gói đồ (emballage) thấy được một anh chàng trẻ tuổi đang ngồi trên một cái thùng và đang đọc nhật trình. Ông chủ ngừng trước mặt anh chàng và hỏi gắt:

— Mỗi tuần anh lãnh bao nhiêu tiền?

— Dạ, ba đồng bạc.
— Đây nè, ba đồng đây tôi đưa trả anh cho trọn tuần này, bây giờ anh đi kiếm chỗ khác mà làm. Thôi đi đi! đừng nói gì nữa, tôi không nghe đâu!

Anh chàng trẻ tuổi lật đật đi ra.

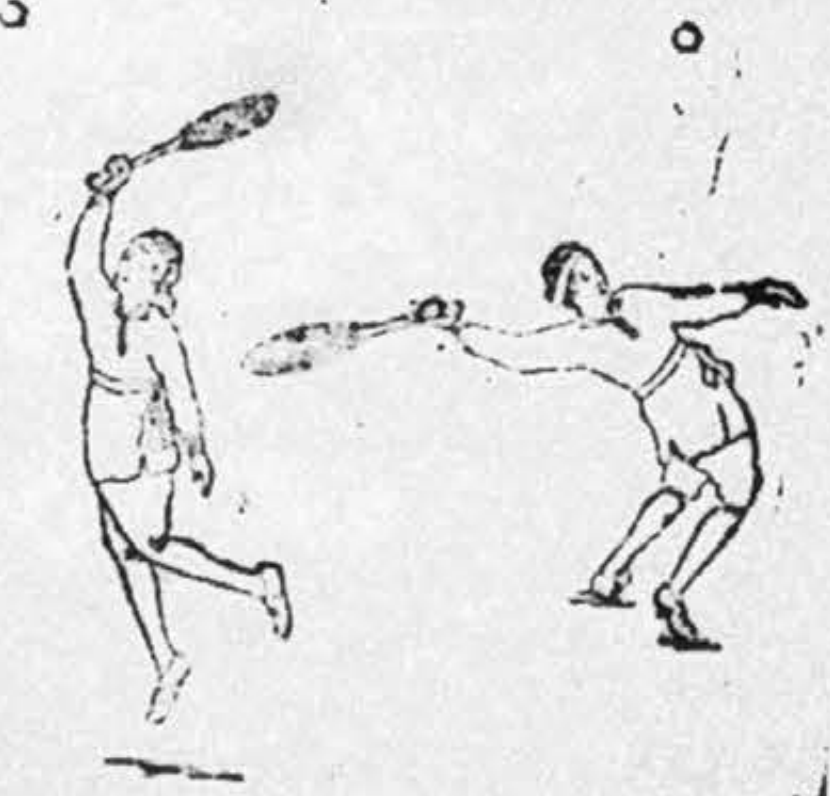
Ông chủ mới xây lại hỏi thầy chef service ở đó, mà bỗ giọng gắt gỏng:

— Thằng làm biếng đó làm trong hãng được bao lâu rồi? Ông mượn nó mấy năm rồi?

Thầy chef de service chưng hửng.

— Thằng nhõ đó có làm cho hãng mình đâu! Nó ở đẳng bằng X... nó mới đem lại cho mình một thùng đồ của mình mua chờ!

Ông chủ làm thinh đi trót. Tội nghiệp!!!



THĂM-HIỂM TRÊN BẮC-CỰC

Trong mấy nhà đại-thăm-hiểm cổ kim của các nước văn-minh tiến-liến, ta nên đề một ngôi danh-dự cho nhà thăm-hiểm Nansen, người nước Na-uy (Norvège). Khởi-hành từ tháng sáu 1893 tại thành Christiania, đến tháng tám 1896 ông mới về nước. Tính ra ông đã vắng mặt hơn 3 năm, ông đã trải qua 3 mùa đông trong vùng băng tuyết xa-xăm trên Bắc-cực.

I.— Dự-bị lên đường

Trước ông Nansen, đã có nhiều người định lên thăm-hiểm trên miền Bắc-cực, nhưng đều thất-bại cả; phần đông nững người ấy bị chết rã-rác ở dọc đường, trước khi họ bước chân lên dải đất bí-hiểm nhất trong địa-cầu.

Một nhà đại-thăm-hiểm của nước Na-uy, ông Nansen, biết rằng việc dò xét vùng bắc-cực là một công-việc nguy-nan lao khổ, nên chỉ trước ngày lên đường, ông đã dự-bị sẵn các món đồ dùng một cách tinh-vi cẩn-thận. Cái ý-hướng của ông không có như cái ý-hướng của một nhà du-lịch phàm-phẩm; ông cũng không phải như một nhà hàng-hải chỉ có một mục-dịch là đi cho đến bắc-cực là mãn nguyện, mà chính là một nhà bác-học định đi khảo-cứu quan-sát tình-hình của một đầu quả đất vậy.

Điều cần nhất là phải sắm một chiếc tàu cho thật kiên-cố, vì tàu không chắc thì không chịu nổi với áp-lực của những tảng băng to lớn. Cho nên đóng một chiếc tàu như thế, phải làm công-phu kỹ-lượng mới được. Giáp tàu phải dày từ 7 tấc đến 8 tấc, và bên trong còn có nhiều ngăn vách chắc-chắn để chống đỡ cho bên ngoài thêm vững chãi.

Khi-hậu ở miền lưỡng-cực lạnh-lẽo lẫm. Chiếc tàu phải có những tấm-vách lót-nệm ấm-áp; hơi nóng riêng cho mỗi phòng phải cầm giữ cho tồn-tại mãi; quần áo ấm và da thú để mặc ngự-hàn, phải đem theo cho nhiều.

Trong lúc lưu-ngụ hằng tháng giữa chốn hoang-dịa, đồ ăn rồi có hết thì không lấy đâu cho đủ để

bồi bổ vào chỗ thiếu, và thực-liệu đựng trong hộp, ăn vào, lại hay sinh ra chứng bệnh nguy-hiểm, là chứng scorbut (1). Vậy phải dự-trữ thật nhiều đồ hộp chế-tạo dùng phép vệ-sinh, nhiều thứ thực-phẩm khác nhau, và phải giữ-gìn cách nào cho các món ăn ấy để lâu không hư-thối.

Muốn cho sau này tiện bề quan-sát về mọi phương-diện, như quan sát về vật-lý-học, tự-nhiên-học, phải đem theo nhiều dụng-cụ: bàn-thứ biểu, phong-vũ-biểu, thủy-thăm-khí hay là trắc-diễn (sondes), v.v.v.

Sẵn đủ các vật dụng kể trên đây rồi, Nansen chờ theo tàu 30 con chó xứ Xi-bê-ri, là thứ chó lông dày, đã quen ở nơi rét-mướt, để bắt-kéo xe lới (traîneaux) trên băng tuyết.

Đoạn, Nansen chọn mười hai người theo mình toàn là kẻ quĩ-cầm cường-tráng: thủy-thủ có, cơ-công có, bác-sĩ có. Một người trong những người ấy, Joheansen, sau này sẽ là người bạn bất-ly của Nansen suốt mấy năm phưu-lưu trong miền bắc-cực.

II.— Chiếc tàu "Fram" bị chẹt trong băng

Vài tháng sau ngày khởi-hành, tháng giêng 1894, chiếc tàu Fram của Nansen bị cầm tù trong băng. Nhưng mấy khối băng trên bắc-cực không phải cứ nằm yên một chỗ; thường thường những tảng

(1) Scorbut: Một thứ bệnh dịch chung, do ở đồ ăn không tốt sinh ra. (Theo tự-diễn Larousse).

băng to lớn, hoặc bị gió thổi hoặc bị hải-lưu lôi cuốn, chạm lẫn nhau, chông-chất lên, làm thành những hòn núi thủy-tinh long-lanh đột - ngót trên mặt biển, trông thanh-tú mà hùng-vĩ lắm.

Chiếc tàu nào bị chẹt giữa hai hòn băng như thế, tất phải vỡ; hay là một hòn băng như thế đụng tựa vào mạn tàu, nó sẽ đổ ụp xuống nhận chiếc tàu chìm mất dưới nước giá.

Ngày mồng năm tháng giêng, chiếc tàu Fram sa vào hai cánh ngó ấy. Một hòn băng to lớn, bị gió đẩy đi, trôi tấp lại gần chiếc tàu của Nansen; tiếng xung-đột rất dữ dội; hòn băng rồi thế nào cũng đè bẹp chiếc tàu! Lệnh truyền ra cho bọn thủy-công phải chực sẵn vớt đồ dưới tàu, đem lên « boong » tàu các thứ vật thực, da thú, khí-giới, v. v. Nhất là về buổi chiều, tình-thế càng làm cho chán nản tuyệt vọng! Nhiều khối to cỡ băng lẫn tuyết rơi xuống lấp « boong » tàu. Không ai dám tưởng đến việc quét sạch lớp băng tuyết ấy.

Áp-lực của mấy hòn băng tăng lên mỗi một cách rất đáng sợ. Chúng nó xô-xát lẫn nhau, phát ra những tiếng động âm âm, những tiếng nứt răng-rắc, như trời long đất lở, nghe ghê-gớm quá!

Hãy giờ chiếc tàu Fram đương cách tuyệt rất xa với tất cả bờ bến; nếu nó bị vỡ tan-tành, bao nhiêu người trong tàu sẽ chẳng khỏi làm mồi cho thần chết, mà tất-nhiên là phải chết!

Bốn phía tàu, băng chạm loảng-xoảng, gió thổi vi-vút, làm ồn-ào cả lên cho đến nỗi mấy người cùng đứng gần một bên nói chuyện to với nhau mà chỉ vừa đủ nghe. Rồi càng thêm rui, là trời tối đen như mực.

Mấy chục con chó xứ Xi-bê-ri đều được phóng-thích, vì chúng nó xuất bị để giúp dưới những tảng băng nặng; người ta đem lên khỏi hầm tàu tất cả y-phục và các món tùy-thân thiết-dụng khác; bọn tàu tự-bội xung-quanh chỗ đặt đồ hành-lý, để chờ khi có tai-biến — mà thế nào rồi cũng có tai-biến! — thì khiêng đồ lên cho lẹ.

Chiếc tàu Fram bình như không đương nổi sức giằng ép nguy-kịch của núi giá. Một phía tàu bị băng tuyết vùi lấp mất. Những rường cột trong tàu kêu lên răng-rắc! Nhưng cảnh yên lặng lại trở về dần dần, dòng gió tạnh hẳn; chiếc tàu vẫn còn toàn hảo.

Một chuyện vui ngộ đáng kể: một người trong đoàn thám-hiểm nhè giữa lúc bão tố lâm-liệt mà đi tắm. Ấy là một người trong những người anh-hùng khinh cái chết nhẹ như lông hồng, chẳng hề nao-núng trước một cảnh nguy-hiểm nào cả.

III.— Thú vật trong miền Bắc - cực

Trải hai năm tù-tù ở trong chiếc tàu Fram, ông Nansen cùng với bạn đồng-thuyền là Johansen rời tàu sang ngồi 2 chiếc xe-lôi nhắm phía bắc địa-cầu trực-chỉ. Ông lán-la tiếp-xúc với nhiều giống vật sinh-trưởng ở miền bắc tuyết lạnh-lẽo, như giống hải-báo, hải-tượng (morses), gấu trắng, v. v.

Dưới đây, những đoạn nào đứng giữa hai cái ngoặc-kép, là lời của ông Nansen nói. « Trong lúc tôi hi-bút kéo cái xe-lôi trên giá, một con hải-báo trời lên mặt nước, bên cạnh chúng tôi; nó vừa thoi vừa nhào lộn trước mặt chúng tôi như trên ghẹo chế nhạo chúng tôi vậy. Tức quá! Cây súng của tôi đương để dưới lưng một chiếc xuống. Tôi gọi Johansen, bảo: « Lấy cây súng của anh mà bắn nó; nhất là đừng bắn trật. » Trong chớp mắt, bạn tôi cất súng lên, tỳ vào vai; ngay khi con hải-báo toan lặn xuống nước, bạn tôi lấy cò. Con vật bị đạn, quay tròn một vòng như cái vù, rồi nổi lên bênh trên mặt nước, đầu dầm-dia những máu. Buồng cái xe-lôi, tôi lấy một cây chĩa: rồi, thu hết sức mạnh vào tay, tôi phóng cây chĩa vào lưng to béo của con hải-báo. Nó chưa chết. Sợ cây chĩa sút ra, tôi đâm vào yết-hầu nó một lát dao thật sâu. »

Hai nhà thám-hiểm đem thi-thẻ con hải-báo lên khỏi nước. Họ xẻo thịt nó, làm một bữa tiệc rất ngon lành, vì đã lâu rồi họ không được ăn thịt tươi.

Cách đó vài ngày, một hôm Nansen nghe sau lưng có tiếng bạn gọi. Johansen giục: « Mau, lấy súng cho mau. »

« Tôi vừa quay mặt lại, thấy gì? Thấy Johansen ngã lán trên giá, đương chống cự rất khó-khăn với một con gấu to lớn. Cây súng tôi vẫn để trong xuống. . . Tôi vội-vả kéo xuống vào bờ để lấy cây súng. Johansen kêu to: « Mau lên, nhất là bắn cho trúng. » Tôi lấy được súng. Con gấu đứng gần tôi độ hai thước, chực phân thây một con chó! Tôi nhắm chín-chắn, bắn một phát trúng lỗ tai nó. Nó ngã ra chết giữa khoảng bạn tôi và tôi. »

Nansen còn kể cho ta nghe phong-lục là-lùng của loài hải-tượng. Giống này ở từng đoàn, cả già lẫn trẻ, thường đánh nhau trên lưng băng bái cái răng dài và nhọn. Khi một con hải-tượng vươn vai làm rộn đến bạn bên cạnh nó, tức-khắc bạn nó nhồm dậy và đâm răng vào lưng nó rất mạnh. Vì vậy mà loài hải-tượng con nào cũng có nhiều vết thương

nhề-nhại những máu trên da mềm-mại của nó. Hoặc khi nào có con hải-tượng mới đến chiếm một chỗ nằm trên băng giữa bọn đồng-loại, thì cả đoàn hải-tượng cổ-cựu bên đồng thanh kêu rú lên rầm-rĩ như cử nhạc tiếp khách, rồi mấy con hải-tượng dục giả bên cạnh khách liền bắt đầu « thưởng » cho khách một mẻ « củ » đầu tiên! Trước cuộc tiếp rước độc-ác ấy, chủ khách hải-tượng chỉ khép nép cúi đầu nín lặng, dường như chủ đã dự-đoán trước sự xin nhập đoàn của chủ sẽ có những nghi-lễ như thế mà chủ phải chịu. Đoàn, chủ từ từ đi ra mắt tất cả anh chị hải-tượng, bọn này chào chủ theo lối « chào đồ máu », nhưng chủ không dám đáp lễ.

IV.— Nỗi khổ thông của hai nhà thám-hiểm

Lạc-lải trong đồng băng tiêu-diêu quanh-quê, xa chiếc tàu Fram, xa tất cả địa-vực có người ở, Nansen và Johansen phải khổ thân với cái cảnh « lữ cơ, dao hàn ». Ban đêm, quần áo ẩm-ướt bị ẩm-khí làm cho đi nước ra; ban ngày, nó đọng đặc lại và thành một thứ giáp răn như pha-lê, hề cử động tay chơn thì nó nứt ra, cắt đứt da đau đớn lắm.

Hai nhà thám-hiểm rất rầu buồn về nỗi sống vớ-vị giữa nơi thế lương âm-đạm. Về mùa đông, trời tối luôn ngót mấy tháng, không có ban ngày, không có một chút tia sáng của mặt trời! Chẳng đèn, chẳng sách để xem tiêu-khiển, thì trong những đêm vài dằng-dặc như thế mới làm gì cho đỡ buồn?

Món ăn không có thức gì lạ; quanh năm cuối tháng chỉ nuốt rỗng những thịt gấu trắng và mỡ hải-tượng mà thôi. Chà! Ước gì được các món đường, khoai tây, bánh nướng, bánh mì sốt dẻo, để ăn như hồi chưa đến đây, thì còn gì sướng cho bằng! Sướng hơn nữa là mỗi người có thể tắm rửa cho trôi hết cái ghét cùng các chất nhờn đóng trên da họ mà họ đã hết sức tẩy đi nhưng không sạch được, và có thể đổi một bộ quần áo khác nhẹ-nhàng ấm-áp hơn bộ quần áo họ đương mặc trong mình! (còn nữa) BÍCH-THUY
(Phóng theo quyển « Phiêu-lưu kỷ » của Nansen).

Hiệu QUẢNG-VẠN-HÒA
ở Biền-hòa, có bán:
DẦU TỪ-BI

Chị em Phụ-Nữ đừng lo rồi đây không được giải-phóng

Chị em muốn thực-hành cái vấn-đề phụ-nữ giải-phóng thì trước hết chị em phải lo thân thể cho được tràn - kiện. Nếu trong mình thường mang bệnh ốm đau hoai, thì làm sao giải-quyết cho được cái vấn-đề rất-rối rồ.

Nhứt là chị em hay bị bệnh bạch-dái, bạch-dâm, đau tử - cung, nguyên - nhơn cũng vì người bị khi huyết suy kém, thân thể ốm gầy, tiếp nhăm tinh-độc, ăn đồ bạc-huyết kinh-nguyệt không đều, sanh ra bệnh hoạn.

Muốn không thẹn mặt với râu mây, chị em hãy mua thuốc số 11 kêu là NỮ-THẦN-TÀI-HOÀN hiệu ĐÀU-RỒNG của nhà thuốc Nguyễn-văn-Thỉnh và Hồ Minh-Khai bảo-chế tại Mytho, thuốc này chủ trị các chứng đã kể trên, bệnh cách nào, uống vào trong vài tuần thì được trắng-kiện, chừng đó mặc sức mà lo vấn-đề giải-phóng.

Nguyễn-Thị-Kinh — Saigon

Tổng-Đại-lý nhà thuốc hiệu ĐÀU-RỒNG, thuốc này có trữ bán khắp các hạt và các quận ở Nam-kỳ và Cao-mên.

PHU NU TAN VAN

Số đặc-biệt của Khoa-Học Tập Chí

« KHOA-HOC TẬP-CHÍ » mới xuất-bản một số đặc-biệt, cách sắp đặt khéo đẹp, được nhiều người chú-ý.

Cứ như cái tên của nó, thì ai cũng biết « KHOA HOC TẬP-CHÍ » chuyên môn về khoa-học, bàn các vấn-đề có quan-hệ mật-hiết với khoa-học.

Bồn-báo xin giới thiệu với độc-giả.

P. N. T. V



- 1- Có mua DẦU KHUYNH-DIỆP mới biết là rẻ.
- 2- Có buôn DẦU KHUYNH-DIỆP mới biết là lời.
- 3- Có dùng DẦU KHUYNH-DIỆP mới biết là hay

Dầu Khuynh-Diệp

Đã được rất nhiều phần-thưởng đặc-biệt trong các cuộc Đấu-xô vẽ kỹ-nghệ, Khoa-học tại xứ ta và tận bên Pháp; kể cả Kim-khánh, Long-tinh, Mỹ-day, Bằng-cấp, cả thấy có 20 món, toàn thứ quý đệ nhất.

DẦU KHUYNH-DIỆP

Sở chính tại Bến-ngự HUẾ

Sở nấu dầu tại: Phương-xuân (Quảng-bình)

Sa-Lung (Quảng-tri)

An-Nông (Tề-Đa-Thiên)

Giấy nói: 87. — Giấy thép tốt: Viende Huế

Đại-lý tại Saigon:

HIỆU THANH-THANH

38, Rue Pellerin và 120 Bd de la Somme.

Chuyện lạ: Ông 1 hân họ

mạng trẻ con xuất hiện

Đền-bà Annam, phần nhiều có người ít học, ở chốn thôn quê, rầy bái, hễ con đau thì cầu đồng, kêu cật, ký bán cho ông Táo, ông Vòi. Một đứa nhỏ có chứng ban nóng lạnh, lừ đừ, buồn bã, hay khóc đêm, mồ hôi trán, là một chứng bệnh rất dễ dàng, không phải cần ông Táo, ông Vòi mà hết. Bệnh ấy chỉ tốn 0\$12 tiền mua cho được ông Thần họ mạng nó là: Thuốc-Ban (CHÍ-LINH-TÁN) vì thuốc (chí-linh-tán) này hết sức hay, ai cũng cho nó là thuốc Tiên, là vị thần họ mạng cho trẻ con. Bệnh-ban, nóng lạnh, đầu nặng nhẹ thổ nạo, uống nội trong ba gói là cũng. Bằng số 10 ra đây mình, và chứng ban, nóng lạnh, không còn tái lại. Khắp cả Đông-Pháp có trên 300 nhà Đại-lý bán thuốc này. Các tiệm thuốc, các nhà buôn, các gara xe điện có bán. Saigon trừ bán rất nhiều nơi tiệm cô Nguyễn - thị - Kính Chợ-mới, và tiệm Alphonse-Dũng. Mua số lẻ nhiều do Nguyễn-vân-Lượng boîte postale N° 63 Saigon, giá mỗi gói 0\$12.

Bệnh - Ho...

ai có bệnh ho... mà chưa gặp thuốc

Bệnh ho, là bệnh rất nguy hiểm, ban đầu ho gió, không điều trị, thành chứng ho lao. Người có bệnh không lựa thuốc hay mà dùng, thì nguy hiểm cho người bệnh. Như thuốc-ho (Bác Bửu) từ Nam chí Bắc, ai cũng công nhận là một thứ thuốc ho hết sức hay. Trị ho gió, ho phong, ho tắc tiếng, ho đàm nhiều (các chứng ho) Uống vào trong 15 phút, hết ngứa cổ, ho đàm, tãn tãn hết ho. Giá mỗi gói 0\$10. Trữ bán nơi tiệm cô Nguyễn - thị - Kính Chợ mới Saigon, các gara xe điện, các nhà buôn có bán. Mua số lẻ nhiều do nơi Nguyễn-vân-Lượng boîte postale N° 63 Saigon.

PHỤ-NỮ TÂN-VĂN

Tuần báo xuất bản ngày thứ năm

Sáng lập tại Saigon năm 1929

BIÊN TÍN ĐỀ: PHUNUTANVAN SAIGON

GIÁ BẢO

Trọn năm 5\$00

Sáu tháng 2 80

Ba tháng 1 50

Một tháng 0 50

Mỗi số 0 10

Thơ từ và mandat mua báo xin gửi cho:

Mme Nguyễn-đức-Nhuận, chủ nhân Phụ-nữ Tân-văn
65, Rue de Massiges — SAIGON

MỤC-ĐÍCH PHỤ-NỮ TÂN-VĂN

Phổ thông trí thức và bình vực quyền lợi của phụ-nữ

ÔNG HƯƠNG ĐI SAIGON

đoàn-thiên
tiền-thuyết

của Mme Vân-Dại

Ông Hương-Việt vốn người Quảng-ngãi, năm nay ông đã 65 tuổi. Thuở còn thanh-niên ông là người thể nào không biết, nhưng đến sau này có ai hỏi thăm đến ông, thì người biết ông, họ chỉ cười bình như mĩa ông, rồi chỉ tay lên núi Triều mà nói: ông ở trên ấy.

Tên ông là Việt, họ lại đặt thêm cho ông là ông Hương. Ai mới nghe tưởng ông làm hương chức trong làng. Nào có hề đâu, người ta đặt như vậy là họ thấy ông cả đời chỉ chôn sống trong chỗ quê mùa, không còn biết gì là gì hết, cho nên chữ Hương người ta tặng cho ông tức là quê, ấy là họ nói mắng ông, chứ ông có làm chức tước chi đâu!

Tôi có quen một ông già chừng năm mươi tuổi, một hai khi kể lại cái tiểu-sử của ông Hương, thì từ hồi nào tới bây giờ không ai hề trông thấy ông xuống núi.

Ông chỉ cây cuốc trong hai ba màu ruộng của ông dưới chân núi, mỗi năm ông lấy đủ lúa ăn mà thôi, ông cũng trồng bắp, trồng khoai, trồng mía, trồng chuối, cách làm ăn của ông thì biết ông là người cần cù, tiết kiệm. Còn bà Hương vợ ông, cũng trồng giàu nuôi tằm, dệt vải lụa kèm thêm nữa. Cho nên mùa nào ông cũng còn dư.

Ông có hai người con, một trai một gái, người con trai thì anh ông là ông Hàn-Kiều, bắt xuống tỉnh cho học chữ Pháp, ngày nay đã đậu côm-mi, cứ ở làm việc luôn dưới tỉnh, có một hai khi ngày lễ hay chúa nhật có lên thăm ông, thì hình như ông lại ghét, miệng ông tuy chẳng nói ra cho biết, thế nhưng mỗi khi ông trông thấy ông côm-mi, con ông, thì ông vội vàng lần ra chỗ khác, hoặc vát cần ra khe ở sau núi cầu cá, hoặc ông vát búa vào rừng đốn củi. Mà chính ông côm-mi cũng không hợp với ông cho lắm, song cái tình phụ tử dầu thế nào cũng phải chịu, chứ biết làm sao?

Trái thật, một đằng ông côm-mi thì rõ ra người Tây học, cách ăn cách ở rõ ra người thạo thiệp với đời. Còn một đằng ông Hương lại khác, ông

cứ khur khur ở trong xó núi, ngoài việc cấy cấy ra ông lại rung đùi ngâm thơ, xem trăng cầu cá. Ông là người đời chán, hay chán đời ai biết.

Ông ghét nhất là đời vật-chất ông không khi nào nói đến, mà ai nói ông cũng tuyệt nhiên không thèm nghe, thậm chí đến con ông là ông côm-mi, cũng không khi nào ông cho thấy mặt.

Ông ở với vợ ông và cô con gái, trong một cái nhà lá ba gian, ông lấy thế làm thích, có nhiều khi nhàn rồi ông thường ngâm những câu thơ của ông hay hơn hết là.

Mặc ai danh lợi cùng trăng gió,

Ta chỉ thơ dờn với gió trăng.

và

Nhà cỏ ba gian lồng gió má,

Mặc người bề sở với sông ngò.

Xem như vậy thì biết ông là người ưa nhàn, không đua chen với ai cả!

Ông lại có tánh hay làm phước, cả năm làm ăn lam lũ, vậy mà mỗi năm có dư ra bao nhiêu, ông biếu bà chỉ để đủ ăn, còn bao nhiêu, đem xuống chợ cho kẻ nghèo đói.

Có khi bà tiếc muốn bớt lại ít nhiều, thì ông lại gãi bà mà rằng:

« Những kẻ nghèo đói, họ không có cơm ăn, họ chết. Mình phải giúp họ cho đủ ăn, đủ mặc, họ ấm như mình mới phải, bà đừng có ho ho tư lợi không nên. Như ý tôi, tôi còn muốn cho tôi có sức mạnh mãi, mà làm ra giúp kẻ cô đơn mới vừa ý.»

Lời ông nói vậy, bà Hương cũng cứ việc nghe theo, bà thật là người hiền-phu!

Anh ông là ông Hàn-Kiều, có người con, người ta thường gọi là ông Phan-Nhược, làm việc nhà nước, dời vô Saigon đã bốn năm nay!

Năm ấy ông Hàn đã 67 tuổi, trời cho sức lực còn mạnh khỏe. Lại nhân ngày xuân nhứt, công việc còn chưa lấy gì làm bận cho lắm. Nên ông mới sửa soạn hành-lý vô Saigon thăm con chơi!

Ông Hàn đến Saigon thấy quang cảnh một chỗ thành to, tỉnh lớn, cứ tấm tắc khen thăm mãi,

PHU NU TAN VAN

không trách người ta gọi Saigon là viên ngọc ở cõi Á-đông không sai. Nghĩ lại tức cho ông Hương cả đời cứ ru-rú như người ăn đất. Ngồi trong xô núi Quãng-ngãi không có gì là vui, là thú, hèn chi chàng ngán cõi đời.

Nghĩ vậy nên ông Hàn lấy làm tiếc cho ông Hương lắm, ông mới bàn với ông Phan-Nhược làm kế nào đánh lừa ông Hương vào Saigon một chuyến, chắc ông sẽ đổi ra tâm lòng giận đời ra yêu đời chẳng sai.

Ông Phan-Nhược vốn là người yêu chủ thấy ông Hàn bà đến nói chuyện mới chủ vô thăm mình, thì mừng nên ông mới nói với ông Hàn rằng:

« Nếu cha muốn cho chủ Hương vô Saigon thì cũng không khó chi hết, cha cứ đánh ngay một cái giấy thép về cho chủ Hương nói tôi đau nặng ở đâu nào chủ cũng vô.

— Ông Hàn nói: « Nói mấy đau nặng vì tất chủ mấy đã vô, chỉ bằng nói ngay là tao đau nặng, thì thế nào chủ cũng phải đi.»

Nói vậy ông vội vàng lấy giấy viết 2 cái giấy thép một cái ông Hương-Việt nói mình đau gần chết, một cái cho bà Hàn bảo phải lên thúc dục ông Hương đi mau mau, Quả nhiên trưa hôm sau ông Hương đương ngồi trong cái lều cỏ trước nhà

đương rỏ, thấy bà Hàn tất-tả đi lên, đưa cho ông cái giấy thép, một hai biểu ông phải mau mau vào Saigon, kéo sợ không kịp thấy mặt ông Hàn, vì ông đau nặng lắm, bà Hàn lại khéo nói, nào là nhà có hai anh em, nào là bà không bỏ nhà đi được, còn biết tin ai mà dám giao cho công việc này, bà lại làm bộ cần dặn ông Hương nếu có lúc chờ ông Hàn về thì phải chờ về cho được.

Ông Hương lúc bấy giờ mặt mày ngơ ngẩn, ngồi lặng ngắt, không nói không rằng chỉ hết, lâu lâu một lát lại cầm cái giấy thép đưa lên coi; tay ông hơi run run, mặt ông thì đỏ bừng, trông biết ngay là ông giận. Ông giận ai hay là ông giận vì lời nguyên ông không trọn.

Ông đã thề với trời từ ngày nào tới giờ ông xa xa hẳn cõi đời. Mà sao nay vì đau ông lại phải gặp gỡ người đời một lần nữa, tức thay!

Hôm ấy là ngày ông buồn rầu hơn hết, nào là bèn tai nghe bà Hương bà Hàn nói ra nói vô như ỏe, nào là tình anh em cốt nhục phân ly.

Than ôi! người đời, nghĩa tử nghĩa tận, tài thay cho mưu kế, ai khéo đem giấy vô tình lôi kéo ông Hương đi.

(còn nữa)

VUI THÚ TRONG GIA-ĐÌNH

Mỗi bữa ăn mà có thêm một chai rượu chất hiện HAUTES COTES thì làm cho bữa ăn càng thêm ngon lành và vui vẻ hơn nữa.

Quý vì muốn cho cảnh gia-đình đặng vui thú, thì hãy dùng rợng rượu chất HAUTES COTES có hình con gà. Vì rượu này chế toàn chất nho tốt, không pha, mùi dịu, giá rẻ, lại nữa là một thứ rượu lâu năm có tiếng nhứt ở bên Pháp, không có thứ nào bì kịp.

Có bán khắp nơi.

ENTREPOT VINICOLE

16, rue Paul Blanchy - Saigon



TIỂU - THUYẾT

ĐAM CƯỜI CẬU TÁM LỘ

tiếp theo bộ « CẬU TÁM LỘ »

Tác giả: BÙI-DINH

(Tiếp theo số 256)

Người ấy ngừng lại, ngó lại Thượng-Văn rồi mới nói tiếp: « Cái nghề riêng ấy có tư hao kia, chứ không phải tự tôi đặt ra, tôi chỉ theo cổ mà thôi, nghĩa là tôi làm một nghề rất nguy - hiểm mà rất nhiều. Tôi làm du-côn.»

Thượng ở đồng, Thượng - Văn cũng đã nghe nói bọn du-côn ở Saigon là dữ lắm, nay nghe người ấy tự xưng là du-côn thì nhin chăm - chỉ... Người ấy thấy bộ Thượng-Văn như thế thì cười rằng: « Anh nghe nói du-côn anh lấy làm lạ phải không? Là phải. Lúc trước tôi cũng vậy. Tôi tưởng tưởng du-côn là bọn có nanh có vuốt đi đâu cũng bèn tay sả, củ chi... Nhưng thật ra thì du-côn có phải vậy đâu. Bọn ấy chỉ là bọn dùng hai tiếng du-côn để dọa nạt người mà thôi. Thật du-côn thì ít ai biết, chẳng qua là chỉ-biết cái tên...

— Mà làm du-côn có những lợi gì?

— Có nhiều lợi lắm vì mình lãnh nhiều việc. Bất kỳ việc gì họ muốn thì mình làm. Giả tỷ như họ muốn mình chém ai, bắt ai vậy.

— Họ muốn mình chém người thù của họ phải không? Họ trả độ bao nhiêu?

— Năm trăm, ba trăm không chừng.

— Nếu người mà họ muốn mình chém là một người tốt thì sao?

Người ấy cười lớn rằng: « Sao anh còn hỏi những câu kỳ khôi ấy? Anh còn tưởng rằng trong đời còn có người tốt thì anh lầm lắm. Anh xem thử cách họ đối đãi với anh trong hai ngày nay thì còn ai là người tốt nữa. Loại người nham hiểm, độc ác, xấu xa hơn loài muốn loài sói nhiều. Họ không biết phân biệt người trái, họ chỉ muốn ích cho họ, sướng cho họ, chứ chẳng kể gì ai. Lúc trước tôi cũng lầm như anh, nhưng

hơn hai mươi năm nay tôi đã đang phong trần rồi tôi biết rõ tâm tánh của con người lắm. Mình không có tội mà họ muốn làm tội mình cũng được. Họ chỉ dùng chước dùng mưu để lường gạt mình... Lúc họ có một người chủ, bị một tên nhà giàu vu cho ăn cướp, thế mà đi đến đâu, trước mặt luật nào, trước quan tòa nào, chủ tôi cũng bị thất kiện vì chủ tôi nghèo. Anh phải biết rằng hề nghèo, hề yếu thì tức là có tội có lỗi rồi. Mình nghèo mình đi đến đâu mình cũng thấy mình trái. Luật pháp đặt ra một mặt thì họ vẽ cho dân mà một mặt thì hành phạt cho dân. Thế mà họ vẽ đầu không thấy mình chỉ thấy mình bị oan bị ức mãi, không kêu gào với ai được. Mình muốn làm việc, mình muốn xài phí sức mình để kiếm cơm ăn mà họ có tiền không dùng; họ nỏ tiếc từ đồng xu với kẻ nghèo, tiếc từ đồng kềm với việc phải, mà lâu lâu lại đem đồ một lần cho họ thấy kiện, hay là họ đi thưa thì không sao... Chính vì người đời ngu dại độc ác nên mình không thể lấy lòng ông Phật mà ở với họ được. Với họ thì phải dùng sức mạnh hay là dùng mưu chước. Phải đánh đầu gối óc họ, họ mới lùi tiền ra, phải lường gạt dối trá họ thì họ mới nói lung ra... Anh thử nghĩ... Một bề thì cầu lụy họ để làm việc cho họ, để ăn đồng tiền công mà họ chửi họ mắng... một bề thì đánh đầu gối óc họ, buộc họ phải đưa tiền cho mình mà họ lại họ đa... hai bề ấy, bề nào hơn?»

Thượng-Văn ngẫm nghĩ một hồi rồi nói: « Tôi cũng đã thấy sự hèn hạ của loại người nhưng tôi chưa tin rằng thật... tôi chỉ tưởng sự ấy chỉ một phần ít thôi...»

Người ấy gạt đi mà rằng: « Anh còn thiếu niên

PHU NU TAN VAN

lâm ! Tôi tiếc rằng tấm lòng trong sạch của anh không được ở chung với những người đời thượng cổ. Cách nói năng, và sự tưởng tượng của anh còn xưa lắm ; phải chỉ anh sanh nhằm hồi đệ nhất đệ nhị thế kỷ thì mới đúng. Anh nói trái lại với sự thật cả. Hiện bây giờ thì toàn cả loài người, trừ ra một số cực kỳ ít, đều là hèn hạ. Vì sao ? Vì họ chỉ tranh nhau cái sống. Mà anh cũng phải biết rằng bây giờ không thể nói sự lương gặt chém giết nhau là hèn hạ được. Người nào có thể làm được tất cả các điều ấy mà không chút gì run sợ thì người ấy mới thật là người. Họ muốn hại mình, tội gì mình ngồi yên cho họ hại. Mình biết lẽ nào nguy thì mình phòng bị để chiến thắng kẻ thù nghịch thì mình mới là cao kiến. Bây giờ anh đòi... anh cứ khu khu giữ tấm lòng trong sạch mà chịu đói thì tức là anh khờ. Của cải là chung cho mọi người, cũng như không khí vậy, ai hít mũi không thở thì chết. Của cải là chung, ai không biết hưởng là dở. Họ biết cướp giật để dành cho mình sao mình lại không biết cướp giật để dành cho họ ? Đứng vào trong đời cạnh tranh, ai mạnh thì được, ai yếu thì thua. Mình yếu mà không biết cách làm sao cho mạnh để chống chọi, để họ vạ mình thì không thể nào sống nổi.»

— Anh nói vậy thì lương tâm ở đâu ?

— À, anh muốn nói đến lương-tâm... Lương tâm là gì ? Lương tâm là tấm lòng làm lành, tấm lòng làm phải. Bất kỳ mình làm những sự gì mà không trái với lẽ phải của mình tức là mình làm theo lương tâm. Vậy thì cần phải biết lẽ phải của

mình đã. Lẽ phải của người tức là những lẽ tự nhiên mà đời đời đúc lại để khiến cho người phải vâng theo. Con giết cha tức là trái với lẽ phải. Từ xưa đến nay chẳng có con giết cha mà người ta cho là phải bao giờ... Nhưng nếu có một xứ nào, trái lại với lẽ này cứ cho sự con giết cha là phải, thì lương tâm người ở xứ ấy có hay là không có ? Đó là một sự hệ trọng... Còn như những sự tầm thường... Ở các nước bên Âu bên Mỹ, cho sự trai gái được tự do giao thiệp với nhau trước khi đám cưới là phải, mà ở nước ta lại chê sự ấy, thế thì lẽ phải ở đâu... Tôi nói điều này gần hơn hết... một giống dân văn minh thương cho sự hành hạ một giống người khác là trái lẽ... thế mà trong thế giới còn biết bao nhiêu giống người bị hành hạ khổ khốc... Lẽ phải ở đâu ? Như con mắt anh từng thấy, người vô tội bị ở tù, cứ nói rằng quan tòa vô lương tâm ; quan tòa trị người vô tội để dọa kẻ khác nói rằng muốn giữ sự yên tĩnh, hay là muốn giữ quyền chánh trị thì làm thế là phải, vậy thì người vô tội còn lương tâm hay là quan tòa còn lương tâm... Hoặc giả cả hai đều có lương tâm nhưng chỉ vì địa vị khác nên phải hành động khác ? Với những hạng người đời này, không nên nói đến lương tâm, nếu nói đến thì họ cười mình khờ vì chính đũa ác độc nhất lại thường hay ca tụng lương tâm. Mình cũng có tay chơn đầu óc như ai, mình không nên để cho ai hiếp mình... Vì sao anh đòi... ? Tôi xin dặn cho anh một tích xưa để chứng rằng lời tôi nói trên đây không phải là sai... Có một lần kia, lũ chó

PHU NU TAN VAN

sói ở trong một cánh rừng nọ đói quá nên cầu trời Phật cho ít nhiều món ăn... Lúc này chó sói còn hiền, hiền lắm. Trời Phật hiển hóa phép, một khúc cây biến thành một con trư. Lũ chó sói liền chạy vào, xâu xé, mỗi con xé một đôi... chỉ còn một con khác cứ đứng ngó... thấy mấy con kia ăn, sói ta lần lại xin một miếng nhỏ cho đỡ đói. Lũ kia mắng nhiếc cho tàn tệ rằng : biếng nhác... Kỳ thật sói ta có biếng nhác đâu, sói ta chỉ muốn chia cho đồng phần, nhưng vì lũ kia không muốn thì, chỉ dùng sức mạnh mà cướp giật thôi... Sói ta tức mình từ bấy giờ không nuôi cục đại nử, cũng xấu xí như lũ khác vậy, nhờ thế mà khỏi đói. Anh xem thử lương tâm và lẽ phải ở đâu. Nhiều người tu mấy kiếp mà tìm mãi cũng không ra lẽ phải... Thôi, anh hãy đi với tôi.»

Thượng-Văn nghe người ấy nói có lý lắm nên gật đầu mà rằng : « Anh nói phải... Của đời là của chung, mà của ấy trời cho mỗi người một phần nhất định, thế mà bị lũ gian tham giật nhiều nên mới sanh ra sự đói khát cực khổ cho những kẻ hiền lành... Anh đem tôi đi về với, bất kỳ sự gì tôi cũng làm cả, miễn là khỏi đói khỏi rách và trả cho những kẻ bị cướp giật những phần ăn của họ, thì cũng đủ vui lòng tôi rồi. Loài người là hèn hạ ! » Người ấy thấy Thượng-Văn đã nghe theo lời mình rồi thì mừng lắm, đứng dậy trả tiền tiệm, dắt Thượng-Văn về nhà. Ra đến cửa, Thượng-Văn hỏi : « Anh có phải là sáu Lai không ? »

Người ấy gật đầu mà rằng : « Phải... Người ta kêu tôi là sáu Lai... »

Lê-thượng Văn xưa nay vẫn là người ngay thẳng, biết thương yêu, biết tức giận nhưng chưa hề khi nào làm những sự tội lỗi. Mấy bữa ở Saigon phần thì bị người khinh bỉ, phần thì bị những chuyện lời thời nên trong lòng đã nảy ra

cái mầm ghét đời giận đời. Nay nghe lời của sáu Lai thì hóa ra một người mới, một người có thể làm được tất cả các việc dữ... Hai người và đi và nói chuyện... Sáu Lai kêu hai xe kéo đến... Thượng-Văn dự dự không muốn ngồi vì người tưởng rằng người chỉ kéo xe chứ không ngồi xe được ; sáu Lai cười rằng : « Họ ngồi xe, họ ở nhà lâu, họ có vợ đẹp, sao ta lại không được như họ... Ta cũng có một phần của cái ở đời, sao họ lại không chia cho ta... Cứ ngồi xe đi, chuyện gì mà suy nghĩ.»

Thượng-Văn lên xe... trong đầu của Thượng-Văn rối loạn lắm... Hồi hôm mới than thở, mới gọi lại những lời mẹ dạy mà sao bây giờ lại dường như tối tăm, quên hết... Đời là vậy... Hề người thương, người cũng như mọi người khác, chỉ biết tức giận biết thương biết ghét một cách thông thường thì bề gặp cảnh khó khăn tức là hay thay đổi. Có khi người khác lại hơn mình, lúc ấy mà lợi dụng sự yếu ớt của mình. Thượng-Văn cũng là một người trong những người ấy... Bản tính thì trung hậu nhưng con mắt biết thấy, biết ngó, tấm lòng biết đau biết khổ, vì thế mà bề bước đầu gặp người tốt thì thành ra một người xứng đáng làm đám cưới, gặp người xấu thì lại trở nên một người làm lạc cũng dám làm đám cưới, chỉ duy có một điều là sự dám làm dám chết của đời bên không giống nhau.

Xe chạy được một đôi, sáu Lai biểu dừng lại rồi nói với Thượng-Văn rằng : « Hồi này tôi tính đem anh về, nhưng bây giờ tôi còn phải bận chút việc nên không thể đi với anh được. Tôi cần phải nâng lại một ít tiếng đồng hồ để tính liệu một sự hệ trọng... Vậy anh cứ đến nghỉ ở căng phở của tôi đã dọn sẵn cho anh. Anh cầm lấy cái hộp này về đưa cho thằng giữ phở thì nó sẽ phục sự anh cũng như tôi... Anh kêu nó là Hai nhỏ.»

Đau như gân cốt. Tinh-thần mỏi mệt. Mắt ngủ vì lo rầu

**KIM
TINH
ĐƠN**

Thuốc lạ như, khắp nước Nam chưa có hiệu nào biết chế Sự hiệu nghiệm 100 người không sai 1. Trị các chứng bệnh gân cốt và bệnh thần-kinh. Những người hay đau nhức trong gân lúc trở thời tiết, nhức đầu đông, đau lưng, rung tay, hoặc những người hay lo rầu phiền muộn lắng trí, khóc cười không chừng, mất ngủ, nằm đêm thao-thức, đau mỗi tứ chi, dùng KIM - TINH - ĐƠN thiết hay.

Thuốc không làm say, làm ghiền, uống tới bao lâu cũng vô hại. Uống thuốc vào được ngủ yên, sáng thức dậy khỏe khoắn tươi tỉnh. Những người có 10 kinh dùng thuốc này liên tiếp 1 tháng hết kinh.

Giá 1 hộp 10 ve 2 \$ 40 1 ve 0 \$ 25

Có bán khắp nơi trên 500 Đại-lý. Tại Saigon hỏi tại cửa hàng Nguyễn-thị-Kính và nhiều tiệm Annam khác

ĐÀO CHẾ TẠI :

VÔ - BÌNH - DẪN DƯỢC - PHÒNG

(14 năm danh tiếng)

323 rue des Marins Cholon

Nhà Hàng Bombay lớn nhất ở Saigon

Pohoomul Frères India

Tại chợ mới số 138-140 đường d'Espagne

Hàng lựa đủ thứ đủ màu — Kỳ tàu nào cũng có đồ mới lạ
Giá rẻ hơn các nơi.

PHU NU TAN VAN

Sáu Lai lại dẫn tên cu-li xê rằng: «Mày kéo đến căng phố số 3 ở đường Barbier nghe»

Tên cu-li đã chạy thẳng chồm... Thượng-Văn không nói gì, chỉ cầm cái hộp xem. Cái hộp ấy bằng sứ đen, nhỏ bằng ba ngón tay. Xe đến trước một căng phố nhỏ. Thượng-Văn bước xuống. Trong phố có một đứa chừng mười bảy tuổi, mặc áo sơ-mi lụa, quần lãnh đen bước ra đón. Thượng-Văn kêu hỏi rằng: «Phải em là hai Nhỏ không?»

Hai nhỏ cười, đáp rằng: «Plải... Hai nhỏ là tôi đây. Cậu là ai?»

Thượng-Văn lấy cái hộp sứ đưa cho hai Nhỏ xem. Hai Nhỏ mừng quá nói: «Tôi chờ cậu lâu lắm. Thôi cậu hãy vào tắm rửa mà thay áo thay quần cho sạch sẽ» Thượng-Văn lấy làm lạ, nhìn sơ qua bề ngoài rồi bước vào trong. Căng phố tuy nhỏ nhưng chung diện ven khéo và sạch sẽ lắm. Phía ngoài có hồ xa-lông mây, có tủ đứng, có bàn viết... Phía trong có giường mừng, có ghế nằm, có tủ áo quần... Phía sau có bàn rửa mặt, có các thứ đồ dùng bóng láng. Người xem khắp rồi bỏ khăn gói xuống, ngồi trên ghế ngẫm nghĩ... Hai nhỏ nói: «Chắc cậu lấy làm lạ phải không? Chủ tôi xưa nay vẫn hào hiệp, và hay lựa người mà dùng. Thế ai đã gặp chủ tôi, đã làm cho chủ tôi để

ý thì người ấy sướng lắm. Cậu đã được chủ tôi mời về đây, tức là cậu sẽ làm một người bạn thân của chủ tôi vậy. Chủ tôi có giao chìa khóa cho tôi, bảo đưa lại cho cậu. Cậu cứ mở tủ xem bộ áo quần nào vừa ý thì cứ mặc...»

Thượng-Văn ngồi một hồi, rồi hỏi: «Chủ em là người gì mà đãi qua một cách hậu quả như vậy? Qua không xứng đáng ở cái nhà này... Qua bận áo quần này cũng được.» Hai Nhỏ nói: «Cậu muốn biết chủ tôi thì một vài ngày nữa cũng biết rõ... Người ngoài cứ kêu chủ tôi là cậu sáu Lai nhưng tuyệt nhiên không có một ai biết mặt cả. Họ nói rằng chủ tôi chưa du côn, bao các sông cò bạc, họ không hiểu gì hết. Chủ tôi là một người, mà sáu Lai là một người. Sáu Lai không phải là chủ tôi, chủ tôi không phải là sáu Lai. Người đưa cái hộp này cho cậu tức là chủ tôi.»

Thượng-Văn nghe hai Nhỏ nói lạ lùng như thế thì ngơ ngàng một hồi rồi hỏi: «Sao lại kỳ quái vậy? Hồi này qua hỏi thì chủ em nói rằng chủ em là sáu Lai thật, sao bây giờ em lại nói không phải?»

— Cậu mới đến nên chưa biết rõ... Nguyên ở xứ này có một người du côn đệ nhất, thường hay làm cho rừng động cả châu thành nên mọi người

PHU NU TAN VAN

đều khiếp sợ, người du côn ấy tên là sáu Lai. Sáu Lai hoành hành ở đây nhiều phen, thâu phục được rất nhiều thủ hạ. Chủ tôi gặp sáu Lai, thâu phục sáu Lai, nên thường hay lấy tên sáu Lai mà làm việc. Họ không biết tưởng chỉ một sáu Lai mà thôi, kỳ thật là hai sáu Lai vậy.

- Thế thì chủ em tên gì?
- Nào có ai biết được.
- Thường thường chủ em làm những việc gì?
- Không hiểu.
- Chủ em đem quạ về đây làm gì?
- Không hiểu.
- Em có thấy sáu Lai thật không?
- Có thấy vài ba lần, có khi đi với chủ tôi...
- Em biết rõ mặt chủ em không?
- Không, chủ tôi có một cái dấu hiệu riêng.

Tôi chỉ biết cái dấu hiệu ấy. Thôi cậu đi tắm mà thay áo quần.

Thượng-Văn nghe hai Nhỏ nói chuyện bí mật của chủ nó thì, ngồi nghĩ vẩn vơ, chưa chịu đi thay áo quần... Lạ quá! Sao mình lại gặp người này để bị người này lung lạc kia. Sao lại có những chuyện mờ mịt như vậy kia? Sao người này lại giả sáu Lai, lại muốn thâu phục mình? Mình không hề nói gì mà sao lại biết mình có thể giúp

việc nó được! Hay là vì mình đánh lộn: hém ở ga xe lửa đó chăng?...

Hai Nhỏ thấy Thượng-Văn ngồi sững sờ thì lấy chìa khóa mở tủ, lấy một bộ áo quần cầm-chau trắng và một đôi dây hạ đem ra đưa cho Thượng-Văn mà rằng: «Cậu đi tắm cho mát mẻ»

Thượng-Văn ngó bộ áo quần, lắc đầu nói: «Không, tôi chưa muốn mặc với bộ áo quần này... để gặp mặt chủ em đã. Tôi chỉ đi tắm thôi.»

Hai nhỏ xếp bỏ bộ quần áo vào tủ, đưa Thượng-Văn vào phòng tắm...

Tám giờ tối hôm ấy Thượng-Văn dùng cơm xong, thì hai Nhỏ bước vào nói: «Chủ tôi đã đến... Thượng-Văn lật đật ra tiếp thì thấy một người râu mép đen rậm, mặt mang kiềng trắng, mặc áo quần ni lông... khác hẳn người hồi trưa. Người lấy làm lạ, chưa kịp chào hỏi thì người mang kiềng đã kéo ghế ngồi mà rằng: «Anh cứ ngồi nói chuyện... Tôi sẽ đi đến đây là để cho anh khỏi ngại kỳ gì hết. Anh lấy làm ngạc nhiên về cách thay đổi của tôi phải không?... Anh không nên lấy làm lạ, một ít hôm nữa hễ anh bằng lòng lãnh phần việc mà tôi này cho anh thì anh

Mới lại gán 8.000\$ chữ

Chữ mới lại đủ kiểu kiêm thời, mục lục chữ đã in rồi ngài nào ở xa cần dùng, cho biết, bốn xá sẽ gửi hầu ngay. Công việc nhà in ngày nay làm khác xưa nhiều, chữ kiêm thời, kiểu làm cũng kiêm thời chẳng kém chi nhà in tây, công việc làm rất mau lẹ, giá cả tính rất hạ theo lúc kinh tế khó khăn này.

Đồ học trò mới lại rất nhiều, có trên 10.000\$500 và 500.000 cuốn tập, giá bán rất rẻ, mục lục chung (catalogue général) đang in cuối tháng Aout sẽ có. Sách mới xuất bản: Tướng mạng mộng bốc, giá 3400 bán trọn bộ 2350 ở xa 2.90, Sách dạy nấu đồ ăn chay 0.20 ở xa 0.30, Sóng tình của Cầm-Tâm nữ sĩ đã được giải nhì ở báo Đuốc-nhà-Nam, trọn bộ 8 cuốn 0.80 ở xa 1.00, Giọt lệ máu hồng của nhà viết báo Nguyễn-thế-Phương trọn bộ 21 cuốn 1.80 ở xa 2.00, Giọt lệ thuyền quỳnh 0.70 ở xa 0.90

Tín-Đức Thư-Xá
37-38-39, rue Sabourin
SAIGON

NỮ-CÔNG

Khởi sự dạy lại từ
1^{er} Juin 1934

Mme Trương-Vân-Huân
200, Rue d'Espagne, Saigon

Dạy thêu máy,

Tây, Tàu và chỉ lano.

Thêu tay, thêu Bắc, chỉ

nhung, ruban, lacet, laine

và cườm nỉ. Làm đủ các

thứ bánh mứt Tây và Annam

Có dạy riêng ai muốn học ép bông nhung.
Tiền học phí rất nhẹ.

KHÔNG HỒ VỚI TIẾNG PHÁT-MINH

Từ ngày thuốc BÀ-ĐÀ SƠN-QUÂN ra đời lưu-hành TRUNG NAM BẮC ba kỳ, Cao-miền và Léo; từ thành-thị đến thôn-quê giúp cho hàng phụ-nữ tuyệt-trừ bệnh tử-cung và bạch-dái-hạ, ai có dùng rồi cũng đều công-nhận là một vị Cứu Tinh của phụ-nữ. Mỗi ngày đều tiếp được thư khen-tặng rất nhiều.—Quý vị có bệnh xin coi bài này cho kỹ, đừng biết rõ nguyên-nhơn của bệnh, uống thuốc cho nhắm thì bệnh mới lành. Bệnh tử-cung có 4 chứng và 4 nguyên-nhơn kể dưới đây:

- 1.—Hư trệ tử-cung, bởi kinh-nguyệt không đều, tử-cung hư hàn, hư nhiệt.
 - 2.—Nội-thương tử-cung, bởi đờn-bà khi sanh đẻ trặc-trờ làm cho uóc-dộng tử-cung
 - 3.—Nhiễm độc tử-cung, bởi hơi độc máu xấu nhiễm vào tử-cung.
 - 4.—Ngoại-thương tử-cung, bởi gốc độc Phong-tính của người đờn-ông truyền-nhiễm
- Ái mệ phải bốn chứng kể trên làm cho hai sợi dây chằng yếu hoặc tử-cung sa, tử-cung sai, tử-cung sưng, tử-cung mọc mụn, mọc nhánh, tử-cung có vết thương, mà làm cho đau rang hai bên, đau trắng dạ dưới, đau bất ngang lưng, đường đại bón-uất đường tiểu nóng rát, không thông ra huyết trắng dầm dề có dây cỏ nhợ; lộn mù lộn máu hoặc vàng boộc đục, hoặc có đường kinh hết rồi tước đi tước lại dây dứa không dứt. Hãy uống Bà-đà sơn quân-lân khôi căn bơm rửa mở bệnh đừng lãnh. Sự linh nghiệm lạ-làng dùng rồi mới thấy rõ. Đờn-bà có thai, đờn-bà mới sanh đẻ, đều uống đặn.—Giá mỗi hộp 1\$00 uống năm ngày.

Nhà thuốc VÔ-VĂN-VĂN Thudamot, — Y-học sĩ VÔ-VĂN-VĂN Bảo-chế.

PHU NU TAN VAN

cũng thay đổi một ngày mấy lần như vậy. Sao anh không thay áo quần ?

Thượng-Văn nhìn chằm chằm người ngồi trước mặt, chỉ thấy mơ màng một đôi nét hơi giống sáu Lai mà thôi, thì nghĩ thầm rằng : « Sao mà nó giả dạng tôi như thế ? Chắc nó cũng là một tay đại hợm. Mình đã mắc vào tay nó rồi, mình thoát làm sao khỏi. »

Nghĩ như thế nhưng vẫn giả cách tự-nhiên đáp rằng : « Tôi chưa thay áo quần với là vì tôi còn đợi ông. Tôi muốn biết rõ phần việc mà ông sẽ giao cho tôi làm là phần việc gì. Tôi muốn biết rõ để khỏi ngờ vực và để làm cho hết lòng. Nếu có điều gì tôi chưa vừa ý thì tôi lui trước. »

Người mang kiến, ngơ ngác vào hai mắt Thượng-Văn nói cách quá quyết rằng : « Tôi biết anh không từ chối được phần việc của tôi sẽ giao cho anh. Phần việc ấy không khó khăn bao nhiêu. Hồi trưa anh đã hứa với tôi rằng bất kỳ việc gì anh cũng làm, miễn là giúp kẻ nghèo khổ chút đỉnh được thì thôi... Thế là anh đã nuốt đỉnh lương, mà tôi đây cũng như nuốt đỉnh lương. Những kẻ giàu sang khinh khi kẻ nghèo hèn, hiếp đáp kẻ cô thế làm cho trong đời bao giờ cũng có người có thứ, bao giờ cũng có trên có dưới. Không có luật công bình không có đều công-ly, người giàu sang bao giờ cũng giàu sang, người nghèo hèn bao giờ cũng nghèo hèn. Tôi không chịu sự bất công bình, cách vô ơn bạc bẽo ấy. Tôi muốn phá cái xã hội bất chính này, anh có giúp tôi một tay không ? »

Lời nói khéo léo làm cho nét mặt Thượng-Văn nở dần dần... Nghe mỗi câu là mỗi bằng bõ. Thượng-Văn nói : « Vậy thì ông cũng là một người thù sự bất công ở đời sao ? »

— Phải... Chính tôi là người ấy. Tôi thấy chẳng biết bao nhiêu người nghèo khổ bị ức hiếp, kẻ bạo-dộng bị đè nén, không có một ai hộ vệ họ nên tôi quyết phá tan cái óc tư bản của loài người mà đem sự bình đẳng nhét vào sọ họ. Tôi cần có một cái tay cứng cỏi, dám thưởng dám phạt... Tôi tìm một kẻ thù sự bất công, thù thật tình, đến nay mới gặp. Anh đã chịu giúp tôi, anh cứ tin vào tôi.

(còn nữa)



Chi em cần phải có sức mạnh

Vận bình do kinh, là phần gốc của chị em Phụ-Nữ.

Thật vậy ! Người nào kinh nguyệt không đều, thì thường sanh ra nhiều chứng như : ho hen, long đầu chóng mặt, đau lưng, mỏi mệt, nhức cả trong xương, rang hồng, tức ngực ngày càng tiêu-tụy, dễ lâu không trị, sau sanh bạch - đái làm băng rất nên nguy hiểm.

Hỡi chị em, ai thường bị một chứng trong các bệnh đã kể trên đây hãy mua thuốc số 3 kêu là THANH-XUÂN-HOÀN biếu ĐÀU-RỒNG, của nhà thuốc Nguyễn-văn-Thỉnh và Hồ minh-Khai bào chế tại Mytho, thuốc này chỉ trị các chứng bệnh đã kể trên, uống trong vài hộp thì sẽ được bình - phục như xưa, chứng bạch-đái làm, băng dứt hẳn.

Nguyễn-Thị-Kính — Saigon

Tổng Đại-lý nhà thuốc hiệu ĐÀU-RỒNG. Thuốc này có trữ bán khắp các hạt và các quận ở Nam-kỳ và Cao-mên.



RƯỢU

Quina Gentiane

là thứ rượu thiết
bổ, mùi nó thơm
tho, dịu dàng ai
cũng ưa thích.
Có bán ở các
tiệm rượu (épice-
rie) và trừ tại
Hàng MAZET
Số 20
đường Paul Blanchy
SAIGON



Sửa trị
Hiềm trang
Sân sóc

GIÁ TÍNH NHƯ

Các thứ thuốc
đổi phần, crèmes
nước thơm. Chỉ
cho những cách
giữ gìn.

Quý vị hãy đến nhà :

“KEVA”

Là Viện Mỹ-nhơn ở Paris
Chi-nghành ở Saigon
40, Cnasseloup-Laubal
Giấy thép nói : 755

Ai viết thư hỏi hồn-viện sẽ gửi cho
quyền sách nhỏ nói về sự đẹp.

DOCTEUR

▼

F. NG. V-NGUYỄN

Cựu Sanh-viên Dưỡng-đường Paris

Chuyên trị các bệnh :

TRAI TIM, BAO TỬ VÀ GAN.

Phòng khám bệnh :

81 ĐƯỜNG MAC-MAHON

Sớm mai :

7 giờ tới 10 giờ

N. B. — Những giờ khác, sẽ có tại nhà,
82 đường Lagrandiere.



DẠY

Phép văn và đủ các
khoa nữ-công. Thêu
mây, Tẩy, Tàn,
thêu Bắc, ép bông
nhung, may đồ đầm,
lột áo dài, làm đủ
thứ bánh mứt, nấu
ăn theo cách Tây,
Tàu và Annam.

Học đủ 3 tháng
trường có cho bằng-
cấp.

Học phí mỗi tháng
ở ngoài 5\$00
ở trong 1\$00

THƯƠNG-MẠI HỌC-ĐƯỜNG
79-81-83, rue Hugnh-quang-Tiến (ngang ga Arras)

Dạy đánh máy, viết chữ lắt, bát toán, chữ Pháp, chữ Anh,
Quảng-đông.

Học-phí mỗi tháng : ở ngoài 5\$00 ; ở trong 1\$00